

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**  
**KHOA TRIẾT HỌC**

**LÊ THỊ TRANG**

**TƯ TƯỞNG VỀ CÁCH THỨC TỔ CHỨC QUYỀN LỰC**  
**NHÀ NƯỚC CỦA CÁC NHÀ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY**  
**CẬN – HIỆN ĐẠI VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆC**  
**XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN Ở**  
**VIỆT NAM HIỆN NAY**

**KHÓA LUẬN TỐT**  
**NGHIỆP NGÀNH TRIẾT**  
**HỌC**

**Hệ đào tạo: Chính**  
**quy QH – 2015 – X –**  
**TR.A**

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**  
**KHOA TRIẾT HỌC**

**LÊ THỊ TRANG**

**TƯ TƯỞNG VỀ CÁCH THỨC TỔ CHỨC QUYỀN LỰC**  
**NHÀ NƯỚC CỦA CÁC NHÀ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY**  
**CẬN – HIỆN ĐẠI VÀ Ý NGHĨA CỦA NÓ ĐỐI VỚI VIỆC**  
**XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN Ở**  
**VIỆT NAM HIỆN NAY**

**KHÓA LUẬN TỐT**  
**NGHIỆP NGÀNH TRIẾT**  
**HỌC**

**Hệ đào tạo: Chính**  
**quy QH – 2015 – X –**  
**TR.A**

**Giáo viên hướng dẫn: PGS.TS. Nguyễn Thị Thúy Vân**

## LỜI CAM ĐOAN

\*\*\*

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu do tôi thực hiện và chưa được công bố. Những trích dẫn trong khóa luận là trung thực, xuất xứ rõ ràng.

Sinh viên thực hiện

Lê Thị Trang



## MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	7
1. Lý do chọn đề tài	7
2. Tình hình nghiên cứu	8
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	13
4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	13
5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	14
6. Đóng góp của khóa luận	15
7. Kết cấu của khóa luận	15
CHƯƠNG I. TƯ TƯỞNG VỀ CÁCH THỨC TỔ CHỨC QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC CỦA CÁC NHÀ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY CẬN – HIỆN ĐẠI	16
1.1. <i>Quyền lực nhà nước và cách thức tổ chức quyền lực nhà nước</i>	16
1.1.1. Quyền lực và quyền lực nhà nước	16
1.1.2. Cách thức tổ chức quyền lực nhà nước	18
1.2. <i>Bối cảnh, tiền đề cho sự ra đời tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại</i>	22
1.2.1. Điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội	22
1.2.2. Tiền đề tự tưởng	25
1.3. <i>Nội dung tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại</i>	28
1.3.1. Tự tưởng về tổ chức quyền lực nhà nước theo nguyên tắc phân quyền	28
1.3.2. Tự tưởng về tổ chức quyền lực nhà nước theo nguyên tắc thống nhất, có sự phân công, kiểm soát quyền lực giữa các bộ phận quyền lực nhà nước	36
CHƯƠNG II. NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM VÀ Ý NGHĨA TƯ TƯỞNG VỀ CÁCH THỨC TỔ CHỨC QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC CỦA CÁC NHÀ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY CẬN – HIỆN ĐẠI ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM	46

2.1. <i>Một số khái quát chung về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam</i>	46
2.1.1. Quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam	46
2.1.2. Các đặc điểm của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam	4945
2.2. <i>Ý nghĩa tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam</i>	5551
2.2.1. Ý nghĩa của tọng tọng phân quyền với việc tổ chức quyền lực nhà nước của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam	551
2.2.2. Ý nghĩa của tọng tọng thống nhất quyền lực nhà nước, có sự phân công, kiểm soát quyền lực giữa các bộ phận quyền lực nhà nước với việc tổ chức quyền lực nhà nước của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam	595
KẾT LUẬN	62
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	684

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Lý do chọn đề tài

Những năm qua, thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng trong mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, cụ thể là: kinh tế có những bước phát triển mạnh mẽ, đời sống nhân dân được cải thiện đáng kể, an ninh – quốc phòng được giữ vững, ngoại giao cũng được mở rộng, chúng ta đã có những thành công bước đầu trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và tạo ra những tiền đề quan trọng để đất nước thực hiện thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cùng với việc phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội, Đảng và Nhà nước luôn chú trọng đến cách thức tổ chức quyền lực nhà nước – nó được coi là “xương sống” trong việc xác định mô hình cũng như hướng đi của đất nước.

Việc khẳng định mô hình nhà nước Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã được đưa ra từ lâu (Hiến pháp 1992), tuy nhiên, hiện tại cách thức tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta vẫn chưa thật sự đáp ứng được những yêu cầu đặt ra đối với một nhà nước pháp quyền. Vẫn còn nhiều hạn chế cần giải quyết, như sự công kênh trong tổ chức; chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ; sự kém hiệu quả trong hoạt động; việc phân công quyền lực giữa các cơ quan nhà nước còn nhiều bất cập, thiếu chuyên nghiệp, choa tào ra được sự phát triển về kỹ năng chuyên môn của các nhánh quyền lực. và đặc biệt là tình

trạng tham nhũng trong bộ máy nhà nước đang diễn biến rất phức tạp. Do đó việc nghiên cứu những cơ sở lý luận và thực tiễn để phục vụ trong công tác đổi mới, nâng cao và hoàn thiện cách thức tổ chức quyền lực nhà nước là một nhiệm vụ quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Cùng nhìn lại lịch sử, trong giai đoạn lịch sử triết học phương Tây cận – hiện đại, các nhà tư tưởng phương Tây đã phác họa, xây dựng một bức tranh khá cơ bản về lý thuyết nhà nước, trong đó phải kể đến tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, với hai cách thức cơ bản là phân chia quyền lực nhà

nước (phân quyền) và thống nhất quyền lực nhà nước, có sự phân công, phối

hợp kiểm soát quyền lực giữa các bộ phận quyền lực. Trong đó tư tưởng về phân quyền được đề cập chủ yếu bởi nhà triết gia J.Locke và đợc hoàn thiện nhất trong mô hình “tam quyền phân lập” của Montesquieu sau này. Lý thuyết phân quyền đợc coi là một học thuyết dân chủ, tiến bộ bởi sự phân chia quyền lực, nó là phương thức hữu hiệu để hạn chế quyền lực nhà nước, chống lại nguy cơ tha hóa quyền lực và bảo vệ nhân quyền. Trong khi đó, tư tưởng về sự thống nhất quyền lực trong cách thức tổ chức quyền lực nhà nước lại nhấn mạnh sự thống nhất hữu cơ – thống nhất trên cơ sở phân hóa, đối lập hợp lý của ba thiết chế quyền lực, quyền lập pháp, hành pháp và toạ pháp. Tư tưởng thống nhất quyền lực đó, đợc hai nhà triết gia Rousseau và Hegel đề cập tới một số nội dung cơ bản.

Từ những nhân tố tiến bộ của các lý thuyết này và thực tế xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam cho thấy, cả mô hình về phân quyền hay thống nhất quyền lực đều có những ý nghĩa quan trọng trong tổ chức cách thức quyền lực nhà nước và hoạt động của bộ máy nhà nước mà việc tham khảo của nó rất có giá trị để có thể xây dựng thành công nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở Việt Nam hiện nay.

Với những lý do trên, tác giả đã chọn đề tài: *“Tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay”* làm đối tượng nghiên cứu cho Khóa luận tốt nghiệp của mình.

## **2. Tình hình nghiên cứu**

Trong những năm gần đây đã có khá nhiều các công trình nghiên cứu đến cách thức tổ chức quyền lực nhà nước. Có thể chia hướng nghiên cứu thành các vấn đề cụ thể như sau:

2.1. *Những nghiên cứu về triết học phương Tây cận – hiện đại nói chung và tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận - hiện đại*

Trong suốt dòng chảy lịch sử nghiên cứu, đã có rất nhiều các bài báo, luận văn, luận án, công trình nghiên cứu về triết học phương Tây cận – hiện đại nói chung và tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận - hiện đại, có thể kể đến một số những công trình nghiên cứu sau:

Tác giả Nguyễn Tiên Dũng đã cho ra mắt độc giả cuốn sách *Lịch sử triết học phương Tây* (2015, Nxb. Khoa học xã hội), cuốn sách đề cập một cách cụ thể và chi tiết các nội dung chủ yếu xuyên suốt chiều dài lịch sử từ triết học cổ đại đến triết học cận – hiện đại, trong mỗi nội dung tác giả dường như đã trình bày một cách rõ nét nhất về tọng tọng của các nhà triết học vào từng thời kỳ cụ thể. Tác giả cuốn sách cũng đã đề cập đến một phần về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học thời kỳ phương Tây cận – hiện đại, tuy nhiên, cách đề cập chỉ là khái quát, mang tính mô tả mà chưa đi sâu vào phân tích cụ thể. Cuốn sách có cùng tên *Lịch sử triết học phương Tây* (tập 1) của tác giả Đinh Ngọc Thạch (chủ biên) (2018, Nxb. Chính trị quốc gia) cũng đã trình bày một cách cụ thể về toàn bộ lịch sử triết học phương Tây từ triết học cổ đại đến hết triết học cổ điển Đức, trong đó, các tác giả cũng đã khai lược những đặc điểm cụ thể về: tình hình kinh tế, chính trị - xã hội; các tọng tọng, học thuyết của các nhà triết học thời kỳ phương Tây cận – hiện đại. Tuy nhiên, cũng giống như tác giả Nguyễn Tiên Dũng, trong công trình này, nội dung về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại cũng chưa được khai thác kỹ. Ngoài ra còn có một số các công trình, bài viết có đề cập đến vấn đề trên như: *Những chủ đề cơ bản của triết học phương Tây* (Phạm Minh Lăng, 2003, Nxb. Văn hóa thông tin); *Lịch sử triết học phương Tây* (Hoàng Xuân Việt, 2004, Nxb. Tp Hồ Chí Minh); *4 cây đại thụ của triết học phương Tây cận đại* (Lê Tử Thành, 2014, Nxb. Trẻ); v.v...

Bên cạnh những công trình đã kể trên, còn có một số các cuốn sách, bài báo, công trình nghiên cứu về triết học phương Tây cận – hiện đại đề cập chi

tiết, cụ thể về vấn đề cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học trong thời kỳ này, có thể kể đến:

Cuốn sách *Thuyết tam quyền phân lập và bộ máy nhà nước tư sản hiện đại* của tác giả Đinh Ngọc Vượng (1992, Nxb. Khoa học xã hội) đã giới thiệu về cội nguồn thuyết tam quyền phân lập (điển hình của Montesquieu). Tác giả Chu Thị Ngọc có bài viết *Phân quyền trong nhà nước pháp quyền* (*Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, Luật học, 2010) đã phân tích khái niệm nhà nước pháp quyền và nguyên tắc phân quyền trong nhà nước pháp quyền, tác giả cũng đề cập đến tính chất phân quyền trong tổ chức bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cuốn sách *Tư tưởng phân chia quyền lực nhà nước với việc tổ chức bộ máy nhà nước ở một số nước* (Nguyễn Thị Hồi, 2005, Nxb. Tọa pháp) đã trình bày khá chi tiết về các nội dung như: quyền lực, cách thức tổ chức quyền lực và một số những tư tưởng cơ bản về cách thức tổ chức quyền lực của các nhà triết học phương Tây thời kỳ cận đại, tuy nhiên tác giả mới chỉ đề cập đến tư tưởng của Locke, Montesquieu, Rousseau và đứng trên góc độ luật học để nhìn nhận cũng như đánh giá, vận dụng các tư tưởng đó. Tác giả Nguyễn Thị Thúy Vân cũng có bài viết *Quan niệm của Hegel về sự phân định các bộ phận quyền lực nhà nước pháp quyền* (*Tạp chí Khoa học Xã hội Việt Nam*, 2015, số 1(86)), trong bài viết này tác giả đã đề cập đến quan niệm của Hegel về phân quyền cũng như sự phân định quyền lực trong nhà nước ở mức độ khái quát, ngắn gọn. Ngoài ra, còn có một số công trình khác cũng đã phần nào trình bày một nét căn bản về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, như: *Phân quyền và tập trung dân chủ* (Lê Kim Quế, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, 2005, số 9); tác giả Phan Thế Lực có công trình *Vấn đề tập trung và phân quyền trong tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay* (Luận án Tiến sĩ, 2012); Bài viết *Học thuyết và thực tiễn lịch sử thống nhất của quyền lực nhà nước và cơ chế phân quyền của tác giả Đào Trí Úc* (*Tạp chí Nhà nước và Pháp luật*, 2014, số 5 (313)) v.v...

Mặc dù, các công trình nêu trên đã một phần đề cập đến tị tị tị tị phân quyền trong lịch sử triết học phương Tây cận – hiện đại, nhưng đều đứng trên góc độ luật học, chính trị học, các tác giả dường như chỉ đi sâu vào mô tả các mô hình nhà nước cụ thể (phân tích bộ phận về Quốc hội, Chính phủ, hệ thống Tòa án,...) chú trọng hệ đứng trên góc độ triết học để tìm hiểu về nền tảng lý luận, phân tích khái quát nhất về nội dung của tị tị tị tị phân quyền.

## *2.2. Những nghiên cứu về vận dụng tư tưởng của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại trong xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay*

Trong những năm gần đây, vấn đề về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước luôn là một trong những vấn đề quan trọng, đòi hỏi các nhà nghiên cứu phải phân tích, tìm hiểu. Một trong những cách nghiên cứu phổ biến nhất đó là trở lại những tị tị tị tị gốc rễ, căn bản của các nhà triết học đã xây dựng, bổ sung, phát triển trong lịch sử, đặc biệt là giai đoạn phương Tây cận – hiện đại, từ đó vận dụng vào công cuộc xây dựng mô hình Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay. Chính vì vậy, trong những năm qua cũng đã có khá nhiều các công trình nghiên cứu đề cập đến nội dung này, có thể kể đến các công trình:

*Vận dụng thuyết phân quyền trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam* (Đặng Hồng Chiến, 2008, Khoa Luật, ĐHQGHN); *Tư tưởng phân quyền và sự vận dụng trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam* (Nguyễn Thị Huyền, 2014, Khoa Luật, ĐHQGHN); Tác giả Vũ Duy Tú có hai công trình nghiên cứu về vấn đề cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, đó là: *Học thuyết tam quyền phân lập với việc hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước ở Việt Nam hiện nay* (2010, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn); *Lý thuyết phân quyền: Giá trị tham khảo trong xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước pháp quyền Việt Nam hiện nay* (2016, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn),...

Tất cả những công trình trên, các tác giả đã trình bày khái quát về tị tị tị tị cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học trong thời kỳ triết

học phương Tây cận đại, tuy nhiên, các tác giả chủ yếu đứng trên góc độ luật học, chính trị học để đưa ra những phân tích, đánh giá riêng và đặc biệt trong vấn đề vận dụng các lý thuyết của các nhà triết học thời kỳ này, các công trình đều tự xây dựng cho mình những giải pháp, đề hướng khác nhau, nhưng đều có điểm chung đó là vận dụng cụ thể vào từng cơ quan của nhà nước họ: lập pháp (Quốc hội), hành pháp (Chính phủ), tư pháp (Tòa án), chứ chưa có những đánh giá, đề hướng chung nhất về vấn đề vận dụng tư tưởng cách thức tổ chức quyền lực nhà nước trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Việt Nam hiện nay (điều mà từ phương pháp luận triết học có thể làm sáng rõ).

Tác giả Lê Tuấn Huy có cuốn sách *Triết học chính trị của Montesquieu với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam* (2006, Nxb. Tp Hồ Chí Minh) và công trình *Triết học chính trị của J.J.Rousseau và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay* của tác giả Nguyễn Thị Châu Loan (2014, Đại học Quốc gia Hà Nội) đã có những phân tích khá chi tiết về các tiền đề tư tưởng cho sự ra đời triết học chính trị của Montesquieu, Rousseau; nội dung chính về triết học chính trị của hai ông, trong đó cũng đã đề cập một phần nội dung đến cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của cả hai nhà tư tưởng này. Tuy nhiên hai công trình nghiên cứu này, không tập chung chủ yếu vào một nội dung về vấn đề cách thức tổ chức quyền lực nhà nước mà còn bàn đến nhiều nội dung khác (nguồn gốc sự bất bình đẳng; ý chí chung, chủ quyền tối cao; chế độ xã hội,...) nên chưa có những phân tích sâu, đậm nét về tư tưởng cách thức tổ chức quyền lực nhà nước (nội dung chính, xuyên suốt trong Khóa luận này).

Công trình có liên quan trực tiếp đến thời kỳ triết học phương Tây cận đại và có những góc nhìn khá tương quan với Khóa luận của tôi, phải kể đến *Tư tưởng phân quyền của một số triết gia phương Tây cận đại và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay* của tác giả Nguyễn Thị Kim Chi (2016, Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn) đã đề cập đến các vấn đề họ: bản chất của việc phân quyền, nguyên tắc phân chia

quyền lực và vai trò của các bộ phận quyền lực nhà nước và mối quan hệ giữa chúng. Mặc dù xét về đối tượng nghiên cứu, có một phần trùng với đề tài nghiên cứu Khóa luận của tác giả, song đứng trên góc độ và tiếp cận khác, tôi bàn đến cụ thể những tở tởng phân quyền của các nhà triết gia Locke, Montesquieu và tở tởng về thống nhất quyền lực của Rousseau, Hegel (điều mà Luận văn trên chọn đề cập đến).

Từ góc độ tiếp cận này, đề tài nghiên cứu của tôi: “*Tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay*” sẽ có điểm mới, khác so với các tác phẩm, công trình nghiên cứu trước đây.

### **3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### *3.1. Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là tở tởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay.

#### *3.2. Phạm vi nghiên cứu*

Tác giả tập trung nghiên cứu các quan niệm, tở tởng của các nhà triết học về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước trong triết học phương Tây cận – hiện đại (từ thế kỉ XVIII – đầu thế kỉ XIX). Trong thời lượng cho phép của khóa luận, tác giả chủ yếu tập trung liệt kê, phân tích các quan niệm về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của bốn nhà triết gia thời kỳ này là: John Locke, Montesquieu, J.J.Rousseau và Hegel.

Về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, đề tài nghiên cứu quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam từ năm 1992 đến nay.

### **4. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### *4.1. Mục đích nghiên cứu*

Mục đích của Khóa luận là trên cơ sở hệ thống hóa một số tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận –

hiện đại, từ đó rút ra ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay.

#### *4.2. Nhiệm vụ nghiên cứu*

Để đạt được mục đích trong, khóa luận có những nhiệm vụ sau:

- 1) Tìm hiểu khái quát về quyền lực nhà nước và cách thức tổ chức quyền lực nhà nước.
- 2) Chỉ rõ bối cảnh, tiền đề cho sự ra đời tở tởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước trong triết học phương Tây cận – hiện đại.
- 3) Phân tích nội dung tở tởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước trong triết học phương Tây cận – hiện đại (qua một số triết gia tiêu biểu).
- 4) Rút ra ý nghĩa của tở tởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước trong triết học phương Tây cận – hiện đại với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay.

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

#### *5.1. Cơ sở lý luận*

Nền tảng lý luận cơ bản của đề tài là chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng Cộng Sản Việt Nam về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước. Ngoài ra, nội dung của khóa luận còn được thực hiện trên cơ sở tự nghiên cứu, kinh nghiệm thực tế của giáo viên hướng dẫn, các anh/ chị khóa trên, và với sự tham khảo nhiều tài liệu của các tác giả trong và ngoài nước.

#### *5.2. Phương pháp nghiên cứu*

Khóa luận sử dụng các phương pháp luận của lịch sử triết học, đặc biệt là lịch sử triết học phương Tây, ngoài ra còn các phương pháp nghiên cứu chung như: phân tích - tổng hợp; so sánh - đối chiếu; trừu tượng hóa; hệ thống - cấu trúc;... các phương pháp quy nạp và diễn dịch và đặc biệt là phương pháp lịch sử - cụ thể, phương pháp logic – lịch sử nhằm thực hiện mục đích mà công trình nghiên cứu đặt ra.

## **6. Đóng góp của khóa luận**

Công trình khóa luận sẽ có một số những đóng góp cụ thể như sau:

*Một là*, khái quát về mặt lý luận quyền lực nhà nước và cách thức tổ chức quyền lực nhà nước.

*Hai là*, phân tích các quan niệm về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây thời kỳ cận – hiện đại, từ đó nêu ra những ý nghĩa quan trọng đối với việc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay.

*Ba là*, nghiên cứu của khóa luận có thể làm tài liệu tham khảo phục vụ công tác nghiên cứu, tìm hiểu về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước nói riêng và tư tưởng về nhà nước pháp quyền nói chung.

## **7. Kết cấu của khóa luận**

Khóa luận gồm: Phần mở đầu, hai chương, 5 tiết thuộc nội dung chính, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo.

# CHƯƠNG I. TỌI TỌIỜNG VỀ CÁCH THỨC TỔ CHỨC QUYỀN LỰC NHÀ NỌIỚC CỦA CÁC NHÀ TRIẾT HỌC PHỌNG TÂY CẬN – HIỆN ĐẠI

## *1.1. Quyền lực nhà nước và cách thức tổ chức quyền lực nhà nước*

### **1.1.1. Quyền lực và quyền lực nhà nước**

Trojóc hết, câu hỏi đặt ra và cần phải giải quyết là: Quyền lực là gì? Và tại sao xã hội lại phải cần đến quyền lực?

Ngay từ thời cổ đại, các nhà tọi tọiờng đã thừa nhận sự tồn tại khách quan của quyền lực và bàn đến quyền lực như một trong những cơ sở chủ yếu nhất đến tổ chức đời sống xã hội. Và cho đến nay, lý luận về quyền lực vẫn còn là vấn đề trung tâm của các nghiên cứu chính trị, pháp lý, xã hội nhằm tìm kiếm cách thức, tổ chức và thực thi quyền lực sao cho hiệu quả nhất. Tuy nhiên, hiểu như thế nào là đúng về quyền lực, quyền lực nhà nước và phương thức tổ chức quyền lực nhà nước lại là một vấn đề còn gây nhiều tranh cãi.

Phạm trù quyền lực đọợc một số tác giả hiểu như sau:

Nhà xã hội học người Đức Weber (1864 – 1920) thì cho rằng, quyền lực là khả năng của một chủ thể xã hội, trong mối quan hệ xã hội cụ thể, biểu thị ý chí của mình nhằm thay đổi hành vi của người khác bất chấp những người can dự vào hành vi đó có ọng thuận hay không.

Ông đã giải thích luận điểm của mình như sau:

Thứ nhất, quyền lực không phải là vật thể có thể sờ thấy đọợc, nhìn thấy đọợc, mà đó là mối quan hệ tọiờng tác giữa chủ thể và các chủ thể khác.

Thứ hai, quyền lực không nhất định dẫn đến bạo lực, vì đó có thể chỉ là khả năng và đồng thời là sự chống đối của những chủ thể khác có thể đọợc khắc phục không chỉ bằng bạo lực.

Thứ ba, quyền lực là sự thể hiện ý chí của một chủ thể này đối với chủ thể khác ngoài ý muốn của chủ thể đó, do vậy quyền lực thường gắn liền với xung đột nào cũng dẫn đến việc sử dụng quyền lực, nhưng đằng sau mọi quyền lực đều có sự xung đột công khai hoặc tiềm ẩn [24,420].

Vào thập niên 50 của thế kỷ XX, G. Lasswell (1902 – 1978), ông coi quyền lực là sự gây ảnh hưởng. Theo ông, quyền lực không chỉ đơn thuần là sự biểu hiện ý chí mà còn là sự gây ảnh hưởng, là sự can dự vào các quyết định chính trị. Hay nhà triết học B. Russel cho rằng: Quyền lực là khả năng tạo ra những sản phẩm một cách chủ ý,...

Hiện nay, các nhà học giả đã đưa ra một cách khái quát nhất về định nghĩa quyền lực, theo đó có thể hiểu, quyền lực là mối quan hệ giữa các chủ thể hành động trong đời sống xã hội, trong đó chủ thể này chi phối hoặc buộc chủ thể khác phục tùng ý chí của mình nhằm thực hiện hóa lợi ích và ý chí của chủ thể quyền lực.

Quyền lực nhà nước là gì?

Từ trước tới nay, quyền lực nhà nước luôn được bàn đến như một vấn đề trung tâm của đời sống chính trị, xã hội.

Ngay từ thời cổ đại, các nhà tư tưởng đã cho rằng quyền lực nhà nước là cái vốn có trong xã hội. Nguồn gốc của quyền lực nhà nước được giải thích theo nhiều cách. Có thể là do hiện tượng siêu nhiên, là ý niệm tuyệt đối, là sản phẩm của Thượng đế, Chúa trời, hoặc do những hiện tượng trong xã hội,... Theo Aristotle, quyền lực nhà nước được quan niệm là sự hình thành một cách tự nhiên do con người sống thành xã hội tạo nên. Điều này không phải là sự lựa chọn mà là sự bắt buộc tự nhiên. Do vậy, trong xã hội tất yếu sẽ tồn tại một trật tự tự nhiên là có một số người ra lệnh và một số người khác phải phục tùng.

Trong xã hội phong kiến, sự kết hợp giữa thần quyền và thế quyền đã ảnh hưởng và tác động mạnh mẽ đến các lĩnh vực của đời sống xã hội nói chung và nhà nước nói riêng. Để củng cố sự thống trị của mình, giai cấp phong kiến biện hộ rằng quyền lực nhà nước là sản phẩm của Thượng đế, do Thượng đế trao cho Vua hay Hoàng thượng để thay mặt Thượng đế cai quản trần thế.

Đến thời kỳ cận đại (thời kỳ Khai sáng), cùng với những đòi hỏi về tự do, dân chủ, giai cấp tư sản đã chống lại sự chuyên quyền độc đoán của nhà nước phong kiến, đòi hỏi sự bình đẳng trong việc tham gia nắm giữ quyền lực nhà

nhà nước. Mục đích của quyền lực nhà nước là giữ gìn các quyền tự nhiên và không thể tước bỏ của con người. Chính quyền nhà nước phải được thành lập gồm những người lấy quyền lực chính đáng của mình từ sự nhất trí của nhân dân. Điều quan trọng là nhân dân lại cho mình quyền có thể thay thế nhà nước nếu họ không thực hiện đúng kế hoạch đã ký. Nếu bất cứ chính quyền nhà nước nào vi phạm hay không bảo vệ được các quyền tự nhiên của con người hoặc trở thành nguyên nhân phá hủy mục đích đó, thì nhân dân có quyền thay đổi hoặc xóa bỏ và thiết lập nên chính quyền nhà nước mới. Do đó, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Kế thừa những quan niệm về quyền lực nhà nước trong lịch sử, các nhà chính trị học ngày nay đã đưa ra một định nghĩa chung về quyền lực nhà nước như sau: Quyền lực nhà nước là thực thể thống nhất, biểu hiện sự tập trung nhất của quyền lực công và quyền lực chính trị, thể hiện trong hành động chính trị của chủ thể cầm quyền (cá nhân, tầng lớp, giai cấp, lực lượng xã hội) nhằm thực hiện hóa lợi ích của mình trên cơ sở đảm bảo ở mức độ nhất định việc thực hiện lợi ích chung của xã hội.

### **1.1.2. Cách thức tổ chức quyền lực nhà nước**

Trong lịch sử tồn tại chính trị, vấn đề về hình thức tổ chức quyền lực nhà nước bao giờ cũng là vấn đề trọng tâm, cơ bản và quan trọng nhất. Ở mỗi hình thức nhà nước khác nhau trong lịch sử sẽ mang những cách thức tổ chức quyền lực nhà nước khác nhau:

Ở nhà nước quân chủ chuyên chế, toàn bộ quyền lực cao nhất của nhà nước từ lập pháp, tị pháp, hành pháp đều tập trung trong tay nhà vua. Vua được mệnh danh là Thiên tử, là “con trời”, nên quyền lực của vua là vô hạn, là tối cao và bất khả xâm phạm. Mọi mệnh lệnh, chiếu chỉ, ý chỉ thậm chí khẩu dụ của nhà vua đều có giá trị bắt buộc phải tuân theo, đều là pháp luật nên pháp luật là thể hiện ý chí của nhà vua. Các quan chức nhà nước – những người tổ chức thực hiện mệnh lệnh, chiếu chỉ của nhà vua đều do vua cất cử và bãi chức. Vua cũng là vị quan tòa tối cao phán xử các vụ án quan trọng nhất. Việc làm của các

quan chức

vợ của thân dân có thể đợc vừa xem xét đúng hay sai, tùy công mà vua thưởng, vua ban lộc, tùy tội mà vua quyết định hình phạt. Khi nhà vua mất đi, quyền lực của nhà vua đợc truyền lại một cách nghiêm ngặt theo trật tự “cha truyền con nối”, để đảm bảo sự tồn tại dài lâu của vương triều. Nhờ vậy, nếu xét theo các quyền trong hình thức nhà nước, thì vừa là người nắm giữ cả ba loại quyền lập pháp, hành pháp và cả tị pháp.

Trong chế độ nhà nước quân chủ hạn chế, quyền lực của nhà vua đã giảm hơn so với chế độ nhà nước quân chủ chuyên chế. Trong mô hình nhà nước này, quyền lực của vua bị hạn chế bởi các thế lực khác nhau (cơ quan đại diện của các đẳng cấp, Nghị viện hoặc Hiến pháp) và trong những lĩnh vực nhất định.

Nước sang chế độ chính thể quân chủ đại nghị, với đặc điểm là nhánh hành pháp của chính quyền phụ thuộc vào sự cho phép trực tiếp hoặc gián tiếp của quốc hội, thường đợc biểu thị qua quyền bỏ phiếu tín nhiệm. Quyền lực của vua bị hạn chế trong cả ba lĩnh vực, quyền lập pháp do Nghị viện thực hiện, quyền hành pháp đợc thực hiện bởi Chính phủ mà đứng đầu là Thủ tướng, còn quyền tị pháp đợc thực hiện bởi tòa án. Lúc này, chức vị của nhà vua chỉ còn mang tính chất truyền thống, nghi lễ và tượng trưng, vua không trực tiếp giải quyết các công việc của nhà nước mà chỉ đóng vai trò chính thức hóa các hoạt động của nhà nước.

Trong mô hình nhà nước tị sản có chính thể cộng hòa, các quyền lập pháp, hành pháp, tị pháp của nhà nước thường đợc trao cho các cơ quan khác nhau là Nghị viện, Tổng thống, Chính phủ và Tòa án. Các cơ quan này có thể độc lập hoặc chịu trách nhiệm trước nhau, có thể kiểm chế và kiểm soát lẫn nhau hoặc kiểm chế và đối trọng với nhau trong hoạt động theo nguyên tắc “quyền lực ngăn cản quyền lực”.

Ở các nhà nước xã hội chủ nghĩa trước đây thì quyền lực nhà nước đợc tập trung thống nhất vào cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, do nhân dân trực tiếp bầu ra thông qua tuyển cử phổ thông đầu phiếu – đó là Quốc hội. Vì trực tiếp nhận từ nhân dân nên quyền lực của cơ quan này là tối cao. Song nó chỉ

thực hiện quyền lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, giám sát tối cao hoạt động của nhà nước. Để thực hiện quyền lực nhà nước trong những lĩnh vực còn lại, nó lại tổ chức ra các cơ quan trung ương khác như nguyên thủ quốc gia, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Từ những cách thức tổ chức quyền lực nhà nước được nêu trên, có thể thấy, ở mỗi hình thức nhà nước khác nhau sẽ cho ra đời những cách thức tổ chức quyền lực nhà nước khác nhau. Tuy nhiên, có thể khái quát thành hai cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước cơ bản, đó là tập trung quyền lực và phân quyền.

Cách thức tập trung quyền lực có nghĩa là quyền lực cao nhất của nhà nước thuộc về một cá nhân hoặc một cơ quan, và cá nhân hoặc cơ quan ấy có thể chi phối sự hình thành và hoạt động của các chức vụ nhà nước hoặc cơ quan nhà nước khác. Tập trung quyền lực là nguyên tắc tổ chức chính quyền nhà nước có nội dung là sự tập trung mọi quyền lực vào tay các cơ quan trung ương. Các cơ quan này nắm trong tay quyền quyết định mọi vấn đề từ trung ương đến địa phương. Cơ quan trung ương điều khiển, kiểm soát mọi hoạt động của các cơ quan chính quyền địa phương, nên các cơ quan chính quyền địa phương không có quyền sáng tạo, chỉ tuân thủ, phục tùng mọi quyết định từ cấp trên đọa xuống. Tính tập trung quyền lực nhà nước thể hiện trớ hết ở chỗ, trong một quốc gia không thể có hai thứ quyền lực nhà nước trở lên khác nhau về bản chất, định hướng, mục tiêu và những công cụ, phương tiện thực thi quyền lực. Tuy nhiên, cách thể hiện sự tập trung quyền lực nhà nước là không giống nhau.

Trong thời kỳ cổ đại, trung đại và kể cả ở một số quốc gia thuộc cận đại và hiện đại thì sự tập trung của quyền lực được cá thể hóa vào vai trò của các nhà quân chủ, các bạo chúa, các “thiên tử”, theo kiểu cá nhân hóa quyền lực, tập trung quyền lực vào tay cá nhân. Phần lớn những nhà cầm quyền này được thần thánh hóa, cho dù trên thực tế nhiều lúc quyền lực của họ cũng bị thao túng bởi các tầng lớp quan lại trong triều đình. Về sau, xuất hiện những cách thức tập trung quyền lực khác theo kiểu sùng bái cá nhân. Có thể gọi đó là loại hình tập

quyền cá nhân, xuất hiện sớm nhất, có lịch sử tồn tại lâu đời nhất. Loại hình sau hơn là loại hình tập quyền tập thể.

Phân quyền có nghĩa là quyền lực nhà nước được phân tách các quyền lập pháp, hành pháp, toạ pháp và các quyền này được phân chia tương ứng cho các cơ quan nhà nước khác nhau. Các cơ quan ấy có thể có chung hoặc không có chung nhân viên với nhau, ngang bằng nhau và khá độc lập với nhau hoặc phụ thuộc nhau ở mức độ nhất định, có thể chịu trách nhiệm trước nhau; trong hoạt động có thể kiểm chế, kiểm soát, thậm chí đối trọng với nhau để ngăn chặn sự lạm quyền, sự chuyên quyền, độc đoán trong quá trình thực hiện quyền lực nhà nước, song lại phối hợp với nhau để tạo nên sự thống nhất của quyền lực nhà nước. Phân quyền không phải là sự phân chia quyền lực một cách cơ học, nghĩa là việc của ai, người ấy làm (Lập pháp cứ làm luật, Hành pháp chỉ thi hành luật và Toạ pháp thì áp dụng pháp luật), mà phân quyền là cả một cơ chế vô cùng phức tạp. Làm thế nào để mỗi cơ quan đều có thể thực hiện chức năng của mình một cách hiệu quả nhất, đồng bộ, thống nhất với cả guồng máy của nhà nước, làm thế nào để tránh được sự can thiệp, cản trở vô lối của các cơ quan quyền lực nhà nước khác mà vẫn đảm bảo được cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm chế đối trọng lẫn nhau, làm thế nào để ngăn chặn được sự độc đoán, chuyên quyền? Phân quyền là để đảm bảo cho nhà nước và nền dân chủ không bị tiêu diệt, chứ không phải là để thỏa hiệp hay chia quyền giữa các lực lượng xã hội đối lập nhau và khi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân thì phân quyền chính là sự phân công thực hiện quyền lực nhà nước.

Rõ ràng, có thể thấy, tùy vào từng điều kiện lịch sử, nền văn minh, văn hóa khác nhau mà mỗi quốc gia tự xây dựng cho mình những thiết chế tổ chức quyền lực nhà nước khác nhau. Nhưng, nói phân quyền hay thống nhất quyền lực nhà nước có sự phân công, phân nhiệm cụ thể giữa lập pháp, hành pháp và toạ pháp thì đơn giản nhưng để tìm được cơ chế, giải pháp vận hành nó theo đúng bản chất thì không hề đơn giản. Nó phụ thuộc vào toạ duy lãnh đạo, khả năng áp dụng và tình hình thực tế của từng quốc gia... Đó là cả một quá trình nghiên cứu,

tìm tòi, bổ sung, hoàn thiện không ngừng chứ không phải ngày một ngày hai là chúng ta có thể xây dựng nên.

## ***1.2. Bối cảnh, tiền đề cho sự ra đời tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại***

### **1.2.1. Điều kiện kinh tế - chính trị - xã hội**

*Tình hình kinh tế.* Bắt đầu từ thế kỷ XV ở Tây Âu, chế độ phong kiến với nền sản xuất nhỏ và các đạo luật hà khắc trung cổ bị róc vào thời kỳ tan rã. Sự xuất hiện một loạt các công trường thủ công, các thành thị và trung tâm thương mại lớn ở khắp các nước đã làm biến đổi xã hội một cách mạnh mẽ. Nhiều công trường thủ công, hình thức sản xuất mang tính chất tự bản chủ nghĩa đầu tiên ra đời, ban đầu ở Italia sau đó lan sang Anh, Pháp, và các nước khác thay thế cho nền kinh tế tự nhiên kém phát triển. Công cụ sản xuất nông nghiệp được cải tiến, đất đai canh tác được mở rộng. Kết quả của những điều này là sự phát triển của phân công lao động, sức sản xuất tăng lên, ngành hàng hải tiếp tục bành trướng và kinh tế hàng hóa có những bước phát triển dài, phá vỡ khuôn khổ tự cung tự cấp. Đây là thời kỳ mà châu Âu thực hiện cuộc cách mạng to lớn, thay đổi về chất trong phương thức sản xuất. Nền sản xuất nhỏ manh mún, lạc hậu, năng suất thấp đối với chế độ phong kiến được thay thế bằng phương thức sản xuất tự bản chủ nghĩa mang tính công nghiệp, hiện đại, năng suất lao động cao. Sự ra đời của phương thức sản xuất mới được thúc đẩy mạnh mẽ bởi nhu cầu của tầng lớp cấp tiến trong xã hội phong kiến - tầng lớp tự sản. Những lái buôn, chủ tàu, chủ xưởng, thợ thủ công... từ lâu đã tạo được một tiềm lực kinh tế khá vững trong lòng chế độ phong kiến. Khi tiềm lực kinh tế đã mạnh, họ muốn có các chính sách kinh tế, pháp luật, bộ máy nhà nước cũng như các chế tài - tức là một kiến trúc thượng tầng đồng bộ - đảm bảo cho sự phát triển ngày càng cao của họ. Mặt khác, chúng ta biết rằng, châu Âu những năm thế kỷ XV, XVI diễn ra hàng loạt các sự kiện lớn: những phát minh ra máy dệt, máy hơi nước,...; sự thành công của cách mạng tự sản Anh, Hà Lan,... đã thổi bùng lên những khát khao

giải phóng con người, cụ thể là thoát khỏi sự kìm kẹp của nhà thờ với những điều luật khắt khe, vô nghĩa.

Sự kết thúc lịch sử trung đại và bắt đầu lịch sử cận đại, gắn liền với văn hóa Phục hưng, đã chuẩn bị những điều kiện cần thiết cho bước đột phá của thế kỷ XVII-XVIII. Với sự phát triển mạnh mẽ của các cuộc phát kiến địa lý, cùng với sự phát triển của sản xuất và thương nghiệp đã tạo ra một không gian thương mại mới cho các nước Châu Âu, trên phạm vi toàn thế giới, càng kích thích sự thông thương công nghiệp, tăng cường sự giáo dục văn hóa, phổ biến tôn giáo. Đây được coi là những tiền đề trực tiếp cho một thời kỳ mới, những mầm mống tư bản chủ nghĩa đầu tiên đã xuất hiện và phát triển trong lòng xã hội phong kiến, đồng thời cùng với nó là sự nảy sinh hai giai cấp mới: tư sản và vô sản. Bên cạnh đó các lĩnh vực về khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật cũng đạt được những thành tựu mới, đặc biệt trong các ngành vật lý, hóa học, y học,... những tiền đề khoa học tự nhiên vững chắc cho các nhà duy vật luận giải về thế giới. Sự ra đời của một loạt các phát minh kỹ thuật mới, có tính ứng dụng thực tiễn cao như máy in, la bàn, thuật luyện kim, thuốc súng, kính viễn vọng... Tất cả đã góp phần quan trọng vào việc cải tiến sản xuất và phục vụ cho sự phát triển của xã hội. Sự phát triển về kinh tế, kéo theo đó là những vấn đề về chính trị, xã hội. Yếu tố kinh tế phát triển khiến giao thương được mở rộng, những tư tưởng tiến bộ có dịp giao thoa, tiếp thu, phát triển để hình thành nên những quan điểm về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước một cách hữu hiệu và dân chủ trong tình hình mới.

*Tình hình chính trị - xã hội.* Kể từ khi nhà nước ra đời, do quyền lực nhà nước tập trung vào tay giai cấp thống trị một cách tuyệt đối đã sinh ra tình trạng áp bức tàn tệ về kinh tế - xã hội của những kẻ cầm quyền đối với bộ phận còn lại bị vô quyền hóa. Trong các nhà nước chuyên chế, quyền lực nhà nước tập trung tuyệt đối vào người đứng đầu quốc gia, người được mệnh danh là Thiên tử, thay trời để cai quản xã hội. Nhà vua trở thành người quyết định tất cả, đứng trên luật pháp, chính vì vậy việc thực thi quyền lực nhà nước trở thành hành

động chuyên

quyền, độc đoán; ở đó không có dân chủ, nhân dân không có quyền tham gia thiết lập các cơ quan quyền lực nhà nước. Trật tự phong kiến chuyên chế đòi hỏi muôn dân trong cái xã hội thần dân phải coi ý vua là ý trời, lời của vua là khuôn vàng thước ngọc, vâng lệnh vua là tuân theo đạo lý. Bộ máy nhà nước từ trung ương tới địa phương chỉ là những bộ phận ăn lộc vua, giúp việc cho vua. Trong các nhà nước ấy, việc thịnh suy của cả quốc gia phụ thuộc vào bản “lĩnh chỉ” của một người. Đến giai đoạn đầu của cách mạng tư sản, khi vấn đề quyền lực của nhân dân được đặt ra, vẫn thấy xuất hiện nhiều loại tổ chức bảo vệ cho chế độ quân chủ với loại cách là bảo vệ cho sự tập trung quyền lực vào trung ương, vào người đứng đầu nhà nước, đó là vua.

Trong chế độ chuyên chế tồn tại ngàn năm, quyền tự do dân chủ của nhân dân bị trói buộc bởi sự độc tài, chuyên quyền của một ông vua nắm quyền lực tối thượng. Thực tiễn đã cho thấy, quyền lực tập trung tuyệt đối nhiều lúc thể hiện được ưu thế của nó, đó là khi đất nước rơi vào tình trạng lâm nguy, khủng hoảng hay xuất hiện nhiều phe phái tranh giành lợi ích quốc gia. Thế nhưng đây chỉ là những hiện tượng hiếm hoi trong các nhà nước chuyên chế. Còn nhìn chung, lịch sử của các nhà nước chuyên chế vẫn là lịch sử của sự độc đoán, chuyên quyền, ở đó quyền lực vô hạn chỉ phục vụ cho những tham vọng vô hạn. Từ những sự kìm hãm về quyền tự do dân chủ trong xã hội phong kiến, các nhà tư tưởng trong thời kỳ Khai sáng mong muốn đưa ra những học thuyết về cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước nhằm mong muốn khắc phục những luật lệ áp chế, đồng thời tìm ra những lối rẽ khác nhau trong cách tổ chức quyền lực nhà nước để đảm bảo ý chí chung của nhân dân, hay sự phân định rõ ràng trong các bộ phận quyền lực nhà nước nhằm chống lại sự độc quyền, lạm quyền của một cá nhân hay một bộ phận quyền lực.

Đặc biệt, thời kỳ cận đại (thế kỷ XVII – XVIII) ở các nước Tây Âu là thời kỳ giai cấp tư sản đã giành được chính quyền, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa được xác lập và trở thành phương thức sản xuất thống trị. Cùng với những nền tảng thực tiễn ấy, những tiền đề về tư tưởng văn hóa cũng phát triển

vô cùng

manh mẽ. Sự phát triển của những thành tựu ấy chủ yếu bắt nguồn từ nhu cầu nhận thức để có căn cứ phản kháng lại sự chuyên chế của giáo hội. Văn hóa, lý luận cũng diễn ra quá trình chuẩn bị toạ toạ cho những chuyển biến xã hội. Mở đầu cho tiến trình đó là Phong trào Phục hưng, mà nơi xuất phát và cũng là trung tâm chính là ở Italy. Những giá trị văn hóa, tinh thần, nhân văn cổ đại, kể cả đạo Cơ đốc giáo sơ kỳ, sau cả mọi thế kỷ bị lãng quên nay cũng được phục hồi. Việc “phá hoại” ý thức hệ phong kiến – tôn giáo và việc đề cao tự do con người, khôi phục và phát triển những giá trị nhân văn, có thể xem là hai thành tựu lớn nhất của văn hóa Phục hưng.

Trong bối cảnh lịch sử mới, Hà Lan là quốc gia phát triển nền kinh tế toạ bản chủ nghĩa sớm nhất. Ở Anh điều này diễn ra có phần muộn hơn nhưng vững chắc và mạnh mẽ hơn. Từ thế kỷ XIII, Nghị viện Anh đã được thành lập theo cơ cấu hai viện, Viện quý tộc và Viện thứ dân, do vua đứng đầu. Với những thay đổi trong kinh tế, các quý tộc cũ trong viện thứ dân cũng được thay bằng một số quý tộc mới. Điều này đã đem cuộc đấu tranh quyền lực xã hội vào trong chính định chế của nhà nước phong kiến. Sau hai cuộc nội chiến (1642 – 1644 và 1648) và những tranh chấp quyền lực tiếp theo đó, các đại biểu của giai cấp toạ sản và quý tộc mới đã thực hiện một cuộc chính biến, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến. Theo sau cách mạng chính trị, bước vào thế kỷ XVIII, tại Anh diễn ra một cuộc cách mạng công nghiệp, mà kết quả là kinh tế phát triển vượt bậc, đưa nước Anh lên hàng dẫn đầu thế giới. Chính một hình mẫu nhà nước phi chuyên quyền và những thành tựu kinh tế, xã hội mà nước Anh đạt được sau đó là kiểu mẫu sáng chói với các nhà khai sáng Pháp, các nhà triết học cổ điển Đức sau này để họ kế thừa và xây dựng nên toạ toạ phân quyền và toạ toạ thống nhất quyền lực trong quan điểm của mình.

### **1.2.2. Tiền đề toạ toạ**

Có thể nói, bối cảnh về kinh tế, chính trị - xã hội trong thời kỳ triết học phương Tây cận – hiện đại có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự ra đời của các toạ toạ về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước. Bên cạnh đó, không

thể bỏ qua nền tảng tở tởng, những tở tởng đã xuất hiện trong lịch sử tở tởng đó đã để lại làm cơ sở, tạo điểm tựa cho tở tởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nớc của các nhà triết gia sau này.

Những tở tởng về phân chia quyền lực nhà nớc xuất hiện đầu tiên từ thời Hy Lạp cổ đại, đợc bổ sung, hoàn thiện dần bởi nhiều thế hệ các nhà tở tởng lỗi lạc, đạt đến đỉnh cao trong tở tởng của Montesquieu và đợc vận dụng ở các mức độ khác nhau trong tổ chức quyền lực nhà nớc của nhiều nhà nớc đợng đại. Một trong số những tiên đề tở tởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nớc phải kể đến tở tởng của Ephialtes, Aristotle, Polybe,...

Thế kỷ thứ V tở tởng Công nguyên, khi chính quyền Athens (thành bang thuộc Hy Lạp cổ đại) về tay những người dân chủ cấp tiến do Ephialtes đứng đầu, một cuộc cải cách dân chủ lớn đã đợc thực hiện. Tổ chức bộ máy nhà nớc và sự phân công quyền lực có sự thay đổi cơ bản. Quyền lực của Hội đồng tởng lão (một cơ quan phản dân chủ về thành phần và chức năng, có quyền lực lớn), bị tở tởng bỏ căn bản. Quyền lập pháp thuộc về Hội nghị nhân dân (hội nghị họp ngoài trời, hàng tháng và ban hành tất cả các đạo luật, nghị định), quyền hành pháp đợc trao cho Hội đồng nhân dân (gồm 500 quan chức hành chính, đợc tuyển chọn cho mỗi năm một lần, qua bầu cử hoặc bốc thăm); quyền tở pháp thuộc về Tòa án nhân dân (gồm 6000 người, do tất cả các bộ lạc bầu ra hàng năm). Bằng sự cải cách của mình Ephialtes đã thực sự chia tách quyền lực nhà nớc thành ba bộ phận và trao cho ba cơ quan khác nhau thực hiện. Ông là người đầu tiên đặt nền móng cho tở tởng phân quyền.

Thế kỷ IV tở tởng Công nguyên, với hai tác phẩm nổi tiếng mang tên: *Chính trị* và *Hiến pháp Athens*, Aristotle (384 – 322 TCN) – nhà tở tởng vĩ đại nhất thời cổ đại cũng đã thể hiện tở tởng về phân quyền, dù vẫn còn sơ khai. Theo ông, trong tất cả các nhà nớc đều có ba bộ phận là Hội nghị nhân dân, các viên quan chức của nhà nớc và cơ quan tòa án. Đây là những bộ phận có tầm quan trọng rất lớn đối với tất cả mọi người và hết sức cần thiết để làm cho nhà nớc

hạnh phúc, và tùy theo sự thay đổi của chúng mà làm nhà nước này khác với nhà nước khác.

Trong quan niệm của Aristotle về nhà nước, cần lưu ý đến “polis” - chính là xã hội, là xã hội được tổ chức theo cách xác định. Ông viết: “Polis- trước hết là sự thống nhất giữa con người và lãnh thổ, cùng ở dưới sự lãnh đạo của chính quyền, có cùng một hiến pháp. Sự thống nhất quyền lực và lãnh thổ tạo cho Polis sự toàn vẹn của mình. Polis- đó là sự giao tiếp của những con người tự do và bình đẳng trong một chừng mực nào đó, có trí tuệ và khả năng tự khẳng định mình, điều khiển các hành vi của mình. Quyền lực trong các polis phân chia cho các công dân tự do và bình đẳng” [36, 32].

Khi bàn về mối quan hệ giữa polyp và pháp luật, Aristoteles cho rằng, trong polis, pháp luật cần phải thống trị chứ không phải con người. Cần lưu ý rằng, theo Aristoteles, pháp luật, do bản tính của nó, được tách khỏi dục vọng, đó là lý trí cân bằng mà cảm xúc, tình cảm, ác cảm không ngăn trở được. Nói cách khác, pháp luật và sự công bằng trùng hợp với nhau. Từ đó, Aristoteles nêu lên quan điểm: “Người nào đòi hỏi luật pháp thống trị, dường như là đòi hỏi sự thống trị của thần thánh và lý trí, còn người nào đòi hỏi con người thống trị, nghĩa là dựa vào đòi hỏi của mình yếu tố động vật, bởi vì sự say mê là một cái gì đó có tính động vật, cũng như sự phẫn nộ cũng làm cho người cầm quyền làm dường lạc lối, mặc dù họ là những người oai tú nhất, ngược lại, luật pháp – đó là một cách lý trí cân bằng” [36, 33].

Trong tổng hợp của Aristotle, ông chưa phân tích sâu về mối quan hệ giữa các bộ phận của nhà nước, cũng như lý do chia tách chúng. Aristotle mới chỉ dừng lại ở mức độ mô tả về các bộ phận của nhà nước, trong đó: Hội nghị nhân dân là cơ quan có quyền quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình, lập ra hoặc phá vỡ những liên minh, ban hành các đạo luật, những án tử hình, đi đày hoặc tịch thu tài sản và yêu cầu các pháp quan giải thích về cách ứng xử của họ trong thời gian giữ chức vụ; các viên chức nhà nước gồm những pháp quan giữ các chức vụ, vị trí, thẩm quyền thuộc các lĩnh vực khác nhau như thu thuế, quản lý

thị trường, quản lý công trình xây dựng, đất đai...; hệ thống cơ quan Tòa án gồm tám loại, phụ trách các loại vụ việc khác nhau như: kiểm tra tội cách của các pháp quan khi họ bỏ việc; trừng phạt những người gây thiệt hại cho công chúng; xét xử vụ kiện có một bên là nhà nước; xét xử những vụ giết người...

Sau Aristotlele tội tởng phân quyền tiếp tục đợc Polybius (201- 120 TCN) kế thừa và phát triển. Polyp đi xa hơn Aristotle ở chỗ ông đã phân tích sâu hơn về mối quan hệ giữa các cơ quan quyền lực nhà nước. Theo ông, quyền lực nhà nước không những cần đợc giao cho các cơ quan khác nhau thực hiện, mà chúng còn phải có sự hợp tác với nhau trong thi hành quyền lực nhà nước để đem lại hiệu quả cao trong hoạt động.

Trong lịch sử không chỉ có tội tởng về phân quyền xuất hiện, mà còn có những nhà tội tởng khác cũng đã đề cập đến tội tởng về tập trung quyền lực. Một trong số những nhà tội tởng đó phải kể đến Th.Hobbes (1588 – 1679), ông đã đợa ra quan điểm về chế độ tập trung quyền lực, trong đó quyền lực đợc tập trung tuyệt đối ở vị quân vương. Theo ông, quyền uy tối thượng của nhà nước đợc đảm bảo với chế độ nhất nguyên, còn hình thức cai trị tốt nhất là chế độ quân chủ. Ý chí của nhà vua phải đợc coi là ý chí của toàn dân; quyền lực của nhà vua còn hơn luật pháp, không giới hạn và không bị trừng phạt Mặc dù đây đợc coi là tội tởng khá cực đoan trong lý thuyết tập trung quyền lực, nhưng nó cũng có một phần gợi mở đối với các nhà triết học hậu bối, đặc biệt đã đợc Rousseau và Hegel khắc phục và hoàn thiện.

### ***1.3. Nội dung tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại***

#### **1.3.1. Tội tởng về tổ chức quyền lực nhà nước theo nguyên tắc phân quyền**

Tội tởng phân quyền trở thành một lý thuyết toàn diện và độc lập trong thời kỳ Khai sáng với người đặt nền móng cơ bản là triết gia người Anh - John Locke và người có đóng góp lớn nhất trong việc phát triển nó một cách hoàn chỉnh là nhà tội tởng của Montesquieu.

John Locke (1632 – 1704), nhà triết học người Anh, là người đầu tiên khởi thảo thành hệ thống lý luận hoàn chỉnh về lý thuyết phân quyền, được thể hiện trong tác phẩm *Khảo luận thứ hai về chính quyền* - một trong những cuốn sách kinh điển quan trọng nhất của lịch sử tư tưởng chính trị nhân loại. Về quyền lực nhà nước, ông cho rằng “chỉ có thể có một quyền lực tối cao, là cơ quan lập pháp, mà tất cả các quyền lực còn lại là vừa phải là, những cái phụ thuộc vào nó” [21,203]. Hơn thế, theo ông: “Tùy việc quyền lực lập pháp được đặt ở công vị nào mà hình thức của cộng đồng quốc gia là như thế đó” [21,80]. Nếu quyền lực lập pháp nằm trong tay đa số công dân và việc thi hành các đạo luật này là bởi các quan chức do chính họ bổ nhiệm thì đó là một nền dân chủ hoàn hảo. Còn khi quyền lực này nằm trong tay một số ít người (một hoặc một nhóm) thì đó là nền chính trị đầu sỏ hoặc dân chủ. Theo đó, có thể thấy Locke đồng nhất quyền lực nhà nước với quyền lập pháp.

Ông chia quyền lực nhà nước thành các phân: lập pháp, hành pháp và liên hiệp. Locke cho rằng, quyền lực nhà nước không thể tập trung trong tay một người mà phân chia thành quyền lập pháp, hành pháp và quyền liên hiệp. Ông viết: “Cơ quan quyền lực lập pháp là nơi có quyền vạch nên đường hướng mà sức mạnh của cộng đồng và các quốc gia sẽ được sử dụng như thế nào cho việc đảm bảo toàn cộng đồng và các thành viên của nó... Nhưng vì các luật làm nên vào một lần và trong một thời gian ngắn mà lại có sức mạnh và lâu dài, cùng với một nhu cầu thực thi trường cửu, tức là thêm vào đó một sự tham dự nữa; do đó, nó nhất thiết phải là một quyền lực luôn hiện diện để quan sát việc thực thi các luật đã được làm nên và duy trì bằng vũ lực. Và do vậy, cơ quan lập pháp và quyền lực hành pháp thường được tách rời nhau...” [21,201]. Đối với loại quyền thứ ba (quyền liên hiệp), đó là quyền lực để giải quyết các mối quan hệ với bên ngoài của quốc gia, gồm “quyền lực về chiến tranh và hòa bình, tạo liên minh và lập đồng minh, cũng như tất cả những giao kết khác, với mọi cá nhân và cộng đồng bên ngoài cộng đồng quốc gia” [21, 201]. Theo ông vì thực hiện quyền liên hiệp liên quan đến lợi ích của cộng đồng quốc gia, nên nó phải được trao vào

tay

những người thông thái và cẩn trọng, nhưng điều đó không có nghĩa nó hoàn toàn tách khỏi quyền hành pháp. Locke cho rằng, quyền hành pháp và quyền liên hiệp rất khó chia tách và cùng một lúc trao cho những cá nhân khác nhau, vì chúng đều cần đến vũ lực xã hội để thực thi. Nếu họ chia tách hai loại quyền lực này, tức là “sức mạnh cộng bức của dân chúng được đặt đối với những mệnh lệnh khác nhau, là điều có khuynh hướng gây ra sự hỗn loạn và phá hoại, vào lúc này hay lúc khác” [21, 202].

Theo đó, quyền lập pháp là quyền lực cao nhất trong nhà nước và phải thuộc về Nghị viện; Nghị viện phải họp định kỳ thông qua các đạo luật, nhưng không thể can thiệp vào việc thực hiện chúng. Quyền hành pháp phải thuộc về Nhà vua. Nhà vua lãnh đạo việc thi hành pháp luật, bổ nhiệm các chức vị, chánh án và các quan chức khác. Hoạt động của Nhà vua thu tóm toàn bộ quyền lực về tay mình và xâm phạm vào các quyền tự nhiên của công dân. Nhà vua thực hiện quyền liên hiệp, tức là giải quyết các vấn đề chiến tranh, hòa bình và đối ngoại.

Bên cạnh sự tổng về phân chia quyền lực nêu trên, Locke còn thể hiện một quan điểm hết sức tiên bộ, đó là việc khẳng định quyền lực tối cao thật sự trong xã hội thuộc về nhân dân. Quyền tối cao của cơ quan lập pháp chỉ tồn tại trong quan hệ với các quyền lực khác của nhà nước, vì thực chất quyền lực đó có được cũng là do nhân dân ủy thác. Bởi vậy, “vẫn còn lại trong nhân dân một quyền lực tối cao để xóa bỏ hay thay đổi cơ quan lập pháp, khi họ nhận thấy cơ quan lập pháp hành động trái ngược với sự ủy thác được đặt vào” [21, 203].

Thông qua tất cả những gì mà Locke đã luận giải về nhà nước và sự phân chia quyền lực nhà nước thì có thể thấy nhà nước mà ông muốn hướng đến thực chất là nhà nước pháp quyền. Với mô hình nhà nước này thì luật pháp là ý chí của nhân dân, để bảo vệ, duy trì quyền tự do, bình đẳng cho mọi thành viên trong xã hội. Mọi cơ quan tổ chức của nhà nước luôn nằm trong sự kiểm soát và quản lý của người dân, họ có quyền ủy nhiệm hoặc miễn nhiệm các cơ quan này

bất cứ lúc nào nếu họ không đảm bảo được những “quyền tự nhiên” của mình.

Như vậy, có thể thấy tư tưởng phân quyền của Locke có bước phát triển hơn hẳn so với các học giả thời kỳ cổ đại. Tuy vẫn còn một số điểm hạn chế, mà chủ yếu là chưa phân tách quyền tư pháp độc lập với quyền hành pháp, nhưng tư tưởng phân chia quyền lực của Locke vẫn là nền tảng đầu tiên vững chắc cho các học giả tư sản về sau tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện.

Những luận điểm phân quyền của Locke đã được nhà khai sáng người Pháp Montesquieu (1689 – 1775) phát triển một cách toàn diện.

S. Montesquieu kịch liệt lên án chế độ quân chủ chuyên chế ở Pháp lúc bấy giờ là một tổ chức quyền lực tồi tệ, phi lý, vì: nhà nước tồn tại vốn biểu hiện ý chí chung, nhưng trong chế độ chuyên chế nó lại biểu hiện ý chí đặc thù; chế độ chuyên chế với bản chất vô pháp luật và nhu cầu pháp luật. Montesquieu nhận thấy pháp luật gồm nhiều lĩnh vực, phân ngành rõ rệt, cho nên tập trung vào một người duy nhất là trái với bản chất của nó; gắn với bản chất chế độ chuyên chế là tình trạng lạm quyền. Vì vậy, việc thanh toán hiện tượng lạm quyền chỉ có thể đồng thời là sự thanh toán chế độ chuyên chế. Theo Montesquieu, một khi quyền lực tập trung và một mối, kể cả một người hay một tổ chức, thì nguy cơ chuyên chế vẫn còn.

Trong tác phẩm *Bàn về pháp luật*, Montesquieu đã được phác họa những nét cơ bản về xã hội công dân và nhà nước pháp quyền, lý luận về sự phân quyền được ông phân tách rõ ràng trong tác phẩm này. Cơ sở lý luận của thuyết phân quyền được ông trình bày rõ trong tác phẩm của mình là “kinh nghiệm hàng thế kỷ cho thấy rằng, khi nắm quyền lực, bất kỳ người nào cũng có thiên hướng lạm dụng nó và người đó đi theo hướng ấy, cho tới lúc họ đạt được giới hạn” [33, 686]. Để chống lại tình trạng đó phải có sự phân chia quyền lực nhà nước. Ông viết:

“Trong mỗi quốc gia đều có ba thứ quyền lực: quyền lập pháp, quyền thi hành những điều hợp với quốc tế công pháp và quyền thi hành những điều trong luật dân sự.

Với quyền thứ nhất, nhà vua hay các pháp quan làm ra các thứ luật cho một thời gian hay vĩnh viễn, và sửa đổi hay hủy bỏ luật này.

Với quyền lực thứ hai, nhà vua quyết định việc hòa hay chiến, gửi đại sứ đi các nước, thiết lập an ninh, đề phòng xâm lược.

Với quyền lực thứ ba, nhà vua hay pháp quan trừng trị tội phạm, phân xử tranh chấp các cá nhân. Người ta sẽ gọi đây là quyền tọng pháp, vì trên kia là quyền hành pháp quốc gia” [27,105-106].

Trong quyển XXIX Cách soạn thảo luật đợc trình bày trong tác phẩm *Tinh thần pháp luật*, Montesquieu xác định “tinh thần điều tiết phải là tinh thần của người lập pháp” [27, 206]. Tinh thần đó thể hiện ở việc luật phải thật vô tọng, không thiên vị và chính người lập pháp cũng vô tọng để không bị cám dỗ bởi tham vọng của lợi ích cá nhân, thể hiện trong các văn bản luật. Phong cách thảo luận do đó phải ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu, giản dị và luật phải mang lại hiệu quả thực sự, tránh sử dụng những lời nói nghệ thuật, mơ hồ. Ông nhấn mạnh: “Luật thì phải hiệu quả, không để người ta vi phạm vì những thỏa thuận cá biệt: Luật pháp có phải có cái gì trong sáng. Làm ra luật là để trừng phạt cái ác. Luật phải có tâm hồn vô tọng cao cả” [27, 212].

Đối với cơ quan lập pháp, theo Montesquieu, cơ quan này gồm hai bộ phận hợp thành: một bộ phận là các đại biểu quý tộc; một bộ phận là đại biểu dân chúng, và chúng ràng buộc nhau bằng cách ngăn cản bên này đối với bên kia. Trong đó, nghị viện dân chúng có chức năng quy định - chức năng xây dựng luật, còn nghị viện quý tộc chỉ có chức năng ngăn cản – chức năng phản biện hay phủ quyết luật. Trong mối quan hệ với quyền lực khác, mặc dù cơ quan lập pháp không có quyền ngăn cản cơ quan hành pháp, nhưng nó “phải có chức năng xem xét các đạo luật đã ban hành đợc thực hiện như thế nào” [27,111]. Điều này có nghĩa là, cơ quan lập pháp có quyền giám sát đối với hoạt động của

các cơ quan nhà nước khác, không chỉ hành pháp, mà bao gồm cả tọng pháp, bởi vì các án văn của tòa án chỉ là sự ghi lại những điều cụ thể trong luật. Trong khi Locke khẳng định quyền lực tối cao của cơ quan lập pháp thì Montesquieu lại cho rằng cơ quan lập pháp cũng không có quyền ngăn cản những công việc hành pháp, cũng không có quyền xét xử con người trong bộ máy hành pháp. Tuy nhiên, ông lại cho rằng lập pháp có những quyền hạn nhất định trong hoạt động tọng pháp, có quyền can thiệp khi xét xử luật pháp mang tính “mù quáng, hà khắc”.

Nói về hành pháp, Montesquieu cho rằng đó là cơ quan hành động chứ không phải là cơ quan bàn cãi, thực hiện việc thu thuế hàng năm do cơ quan lập pháp quy định, cơ quan hành pháp phải xây dựng quân đội để thực thi quyền của mình. Cơ quan này thực hiện quyền để bảo vệ dân chúng chứ không phải áp bức dân chúng. Theo Montesquieu, quyền hành pháp phải ở trong tay một vị vua chúa, vì bộ phận này là chính thể lúc nào cũng cần đến một hành động tức thời, điều đó sẽ được quản trị một cách hữu hiệu do một người hơn là do nhiều người. Trái lại, cái gì thuộc về quyền lập pháp được quy định bởi nhiều người sẽ hoàn hảo hơn là do một người. Nếu không có vua chúa mà quyền hành pháp được giao cho một số người rút từ cơ quan lập pháp thì sẽ không có tự do, bởi vì hai quyền hợp nhất, số người nói trên có thể tham gia vào cả hai quyền.

Đối với cơ quan tọng pháp, Montesquieu có tọng tọng đề cao tính độc lập của cơ quan này, ông cho rằng quyền lực tọng pháp không nên kết hợp với một bộ phận nào của quyền lực lập pháp, nhưng ông lại nêu ra ba ngoại lệ:

Một là, khi một nhà quý tộc bị xét xử thì không nên đọa ông ta xét xử ở tòa án bình thường, mà nên đọa ra trước bộ phận cơ quan lập pháp chỉ gồm các nhà quý tộc – nghị viện quý tộc;

Hai là, trong trường hợp pháp luật mù quáng hoặc quá khắc nghiệt, thì “bộ phận quý tộc trong cơ quan lập pháp nên vận dụng quyền năng của mình, vì lợi ích của pháp luật mà điều chỉnh để khi tuyên án thì điều luật xét xử bớt phần khắc nghiệt” [27,116].

Ba là, trông hợp quan chức phạm pháp mà các quan trên không biết, hoặc không muốn trừng phạt, thì “bộ phận lập pháp của dân chúng cần tố cáo trước bộ phận lập pháp của quý tộc không có chung quyền lợi và ý đồ” [27,116].

Có thể nói, ông là người hoàn thiện lý thuyết phân quyền mà Locke đã khởi thảo, thể hiện ở chỗ, ông đã đưa ra những quan điểm tiên bộ, hoàn thiện nhất. Theo Montesquieu, ba quyền lập pháp, hành pháp, tọng pháp có mối quan hệ với nhau, hạn chế lẫn nhau, ngang bằng với nhau và thuộc về cơ quan khác nhau để tránh lạm quyền và đây cũng là điều kiện đảm bảo tự do chính trị trong nhà nước. Việc nhóm hợp của cơ quan lập pháp chỉ nên trong một thời gian thích hợp chứ không nên kéo dài, vì khi hợp kéo dài sẽ làm cho nhà nước rơi vào tình trạng vô chính phủ do không có nghị quyết lập pháp, hoặc cơ quan hành pháp sẽ thao túng đi đến chuyên chế.

Theo Montesquieu, ba cơ quan lập pháp, hành pháp và tọng pháp cần độc lập với nhau. Bởi vì “khi quyền lập pháp và quyền hành pháp nhập lại trong tay một người hay một Viện Nguyên lão thì không còn tự do nữa; vì người ta sợ rằng chính ông ta hay viện ấy sẽ đặt ra những luật độc tài để thi hành một cách độc tài. Cũng không có gì là tự do nếu quyền tọng pháp nhập lại với quyền lập pháp, thì người ta sẽ độc đoán với quyền sống và quyền tự do của công dân; quan tòa sẽ là người đặt ra luật. Nếu quyền tọng pháp nhập lại với quyền hành pháp, thì ông quan tòa sẽ có cả sức mạnh của kẻ đàn áp. Nếu một người hay một tổ chức của quan chức, hoặc của quý tộc, hoặc của dân chúng nắm luôn cả ba thứ quyền lực nói trên thì tất cả sẽ biến mất”. [27, 101].

Sơ đồ phân quyền của Montesquieu không chấp nhận một cơ quan nhà nước nắm trọn vẹn cả ba quyền lực, cũng không có một cơ quan nào được vượt lên trên những cơ quan khác và có thể tọng đoạt quyền cá nhân của công dân. Sự phân quyền là nhằm sử dụng một quyền lực này để kiểm soát và kiểm chế một quyền lực khác, đây cũng là điều kiện để đảm bảo tự do chính trị của công dân. Tiếp nối tọng tọng phân quyền cổ đại của Aristotle, tọng tọng về phân quyền của

Montesquieu đã trở thành một trong những nội dung cơ bản của thuyết tam quyền phân lập trong nhà nước pháp quyền tại sản cả truyền thống lẫn hiện đại.

Xem xét tại tại của Montesquieu, có thể nhận thấy bộ pháp triển mới của tại tại phân chia quyền lực, khi ông đưa ra quan điểm phân tách các quyền lập pháp, hành pháp và tại pháp một cách triệt để, có sự giám sát, kiểm chế và đối trọng giữa các nhánh quyền lực và ngay giữa cơ quan trong cùng một nhánh quyền lực với nhau, nhằm ngăn chặn sự lạm quyền, nhặng vẫn tạo nên một bộ máy nhà nước thống nhất: “Cả ba quyền lực này do ràng buộc lẫn nhau mà dòng nhặng nghỉ ngơi hay bất động. Tuy nhiên, vì tính tất yếu của mọi sự vật là vận động nên cả ba quyền lực vẫn buộc phải đi tới, mà đi tới một cách nhịp nhàng” [27,117]. Tuy nhiên, tại tại của Montesquieu vẫn mang tính bảo thủ phong kiến, đòi hỏi đặc quyền cho tầng lớp quý tộc. Nhặng đó là nền tảng cho tại tại phân chia quyền lực ngày nay, đã và đang vận dụng rộng rãi trong tổ chức bộ máy nhà nước ở nhiều quốc gia.

Nhặng vậy, có thể khái quát nội dung cốt lõi của lý thuyết phân quyền đó là quyền lực nhà nước luôn có xu hướng tự mở rộng, tự tăng cường vai trò của mình. Và bất cứ ở đâu có quyền lực là xuất hiện xu hướng lạm quyền và chuyên quyền, cho dù quyền lực ấy thuộc về ai. Vì vậy, để đảm bảo các quyền tự do cơ bản của công dân, ngăn ngừa hành vi lạm quyền của chính phủ thì phải thiết lập pháp chế nhằm giới hạn quyền lực nhà nước. Và cách tốt nhất để chống lạm quyền là giới hạn quyền lực bằng các công cụ pháp lý và thực hiện không phải là tập trung quyền lực mà là phân chia nó ra làm ba quyền: hành pháp, lập pháp, tại pháp và phân chia quyền giữa các cơ quan trung ương với địa phương. Các quyền này phải được trao cho các bộ phận và các cấp độ lập với nhau nắm giữ. Sự phân chia quyền lực phải được thể hiện trên cơ sở của pháp luật và luật pháp phải mang tính khách quan, phải thừa nhận các quyền tự do cá nhân và bản chất của nó phải là sự thể hiện ý chí chung của nhân dân. Tuy nhiên, nội dung của lý thuyết phân quyền không chỉ dừng lại ở việc phân định chức năng của các nhánh quyền lực mà còn tiến đến một mục đích cao hơn đó là cơ chế kiểm soát lẫn

nhau giữa các nhánh quyền lực (hay còn gọi là cơ chế kiểm chế và đối trọng) và kiểm soát giữa các cơ quan cấp trung ương với địa phương. Kiểm chế và đối trọng là tập hợp các quyền và trách nhiệm do pháp luật quy định làm cơ sở để các nhánh quyền lực thực hiện kiểm soát lẫn nhau. Nó tạo lập một quan hệ chính trị - pháp lý giữa các nhánh quyền lực và các cấp sao cho các nhánh và các cấp đó có thể độc lập thực thi nhiệm vụ bằng những thẩm quyền pháp lý của mình, đồng thời có thể ngăn chặn được sự lạm quyền của một nhánh hay một cấp nào đó.

### **1.3.2. Tọa tọng về tổ chức quyền lực nhà nước theo nguyên tắc thống nhất, có sự phân công, kiểm soát quyền lực giữa các bộ phận quyền lực nhà nước**

Nếu cả Locke và đặc biệt là Montesquieu đều nhấn mạnh về sự phân quyền trong cách thức tổ chức quyền lực nhà nước, thì trong dòng chảy của lịch sử triết học phương Tây cận – hiện đại, chúng ta lại thấy nổi lên một luồng tọa tọng mới trong cách thức tổ chức quyền lực nhà nước hướng theo hướng thống nhất quyền lực. Đại diện tiêu biểu cho tọa tọng này đó là hai nhà triết gia Rousseau và Hegel.

Khi xã hội phong kiến bắt đầu suy tàn, cùng với sự phát triển của tầng lớp thị dân, những đòi hỏi dân chủ bị dồn nén từ lâu đã bùng phát thành các phong trào đấu tranh cho tự do, dân chủ, chống lại chế độ chuyên chế độc tài, mà thực chất là chống lại việc quyền lực được tập trung và không bị kiểm soát. Trong giai đoạn này, nhiều tọa tọng tiến bộ đã xuất hiện dẫn dắt các cuộc cách mạng tọa sản. Bên cạnh sự phát triển của lý thuyết phân chia quyền lực và những đòi hỏi về dân chủ, pháp quyền, lý thuyết thống nhất quyền lực nhà nước, trong đó vẫn có sự kiểm soát quyền lực giữa các bộ phận quyền lực nhà nước đã được nhận thức ở một tầm cao mới, đó là việc chuyển sự tập trung quyền lực vào một cá nhân sang tập trung quyền lực vào một cơ quan đại diện nhân dân và thể hiện chủ quyền nhân dân thống nhất, từ hình thức tập trung quyền lực dựa trên phong tục, tập quán sang hình thức tập trung quyền lực dựa trên bầu cử, ủy nhiệm và

có nhiệm kỳ. Đây là tội tởng hết sức tiến bộ lúc bấy giờ bởi nó đặt nền móng cho các chế độ dân chủ pháp quyền hiện đại, đề cao các giá trị cơ bản của con người, đọa nhân dân từ địa vị bề tôi, thần dân trở thành công dân của một quốc gia, người chủ thực sự của quyền lực nhà nước.

Người đóng góp lớn cho sự tập trung quyền lực mang tính tập thể đại diện này chính là nhà triết gia người Pháp, J.J.Rousseau (1712 – 1778). Tội tởng tập trung quyền lực của ông đợc thể hiện rõ khi ông bàn về chủ quyền tối thượng của nhân dân, quyền lực tối cao và tổ chức bộ máy nhà nước trong tác phẩm *Khế ước xã hội*.

Theo lập luận của Rousseau, quyền lực tối thượng, chủ quyền nhân dân, quyền lập pháp là những cách gọi khác nhau của quyền lực tối cao. Quyền lực tối cao là quyền lực đợc điều hành bằng ý chí chung của tất cả dân chúng. Quyền lực này “đợc thiết lập từ những cá thể thành viên hợp lại tạo ra nó, cho nên nó không có và không thể có lợi ích nào trái ngược với các thành viên... Quyền lực tối cao chỉ nhờ có tổ chức nên mới tồn tại đợc, nên luôn luôn tự nó phải là tất cả những gì tạo ra nó” [40,71]. Do vậy, cơ thể chính trị có quyền lực tối cao phải là một con người tập thể và con người tập thể này có quyền tuyệt đối đối với các thành viên của nó. Tuy nhiên, quyền lực tối cao không thể vượt qua giới hạn của công quốc tổng quát, tức là không thể vi phạm thỏa thuận mà con người đã xác lập. Những thỏa thuận đó là ý chí chung, là Hiến pháp và pháp luật.

Quyền lực tối cao là thống nhất không thể phân chia. Thống nhất vì nó là ý chí chung của nhân dân, đại diện và bảo vệ lợi ích chung của nhân dân. Khẳng định tính bất phân của chủ quyền nhân dân, Rousseau loại trừ sự phân chia quyền lực nhờ sự đảm bảo cho chính trị. Ông phê phán các nhà chính trị trước đó và đợng thời đã phân chia quyền lực nhà nước thành quyền lập pháp, hành pháp và tội pháp nhờ những bộ phận tách rời nhau, vì nhờ thế sẽ mâu thuẫn với nguyên lý quyền lực thống nhất cũng nhờ mâu thuẫn với nguyên tắc tập trung quyền lực nhà nước vào một cơ quan dân cử nắm quyền lực tuyệt đối. Sự đối

trọng giữa các nhánh quyền lực độc lập, theo ông, có thể dẫn tới mâu thuẫn giữa các bộ phận quyền lực, giữa các cá nhân và dễ dẫn đến chia cắt quốc gia. Sở dĩ có sự sai lầm này là vì họ không xuất phát từ những khái niệm đúng về quyền uy tối cao mà chỉ nắm lấy những biểu hiện bề ngoài, coi đó là các bộ phận của quyền uy tối cao. Thực chất, “những bộ phận quyền hành được chia tách như vậy đều phụ thuộc vào quyền lực tối cao, đều giả định phải có ý chí tối cao, mỗi bộ phận đều chỉ nhằm thực hiện ý chí tối cao” [40, 82].

Mặc dù phủ nhận việc phân chia quyền lực theo quan niệm của Montesquieu, nhưng Rousseau chủ trương cần phân chia chức năng của các cơ quan quyền lực trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và toạ pháp. Thế nhưng, các bộ phận của quyền lực ấy không tách rời khỏi nhân dân.

Khi bàn về cơ quan lập pháp, Rousseau cho rằng: “lập pháp là đỉnh cao nhất của sự hoàn thiện mà sức mạnh tập thể có thể đạt tới” [40,100]. Cơ quan này có nhiệm vụ đặt ra một Hiến pháp và đưa ra một hệ thống pháp luật cho quốc gia. Cơ quan lập pháp sẽ thành lập chính phủ để phụ trách vai trò hành pháp cũng như đề nghị phương pháp lựa chọn các vị thẩm phán vào cơ quan toạ pháp.

Rõ ràng, Rousseau đã đặt lập pháp ở vị trí cao nhất, bởi chỉ có lập pháp mới thể hiện trực tiếp và tập trung nhất ý chí của nhân dân, biểu hiện của quyền lực tối cao. Tranh luận với Montesquieu, Rousseau chứng minh rằng, tự do chính trị chỉ có thể có trong một nhà nước nơi nhân dân có quyền lập pháp. Theo ông, mặc dù đã ủy quyền để lập ra cơ quan đại diện, nhân dân còn giữ lại quyền cơ bản của mình và quyền này là quyền lực trực tiếp tối thượng của nhân dân. Ông đòi hỏi mọi bộ luật được làm ra phải hỏi ý kiến nhân dân. Đó là cái để Rousseau cho rằng tự do thể hiện ở chỗ công dân được luật pháp bảo vệ và tự mình được ban hành luật. Do vậy mà “luật chỉ là những điều kiện chính thức của việc tập hợp dân sự. Dân chúng tuân theo luật phải là người làm ra luật” [40,97]. Để lập pháp thực sự là cơ quan quyền lực tối cao Rousseau đòi hỏi mọi người phải tham gia chính sự vì đó là quyền hạn cũng như trách nhiệm của công

dân. Cơ quan lập pháp phải phản ánh ý muốn chung của toàn dân chứ không phải ý muốn của các vị đại diện nhân dân. Để thuận lợi cho việc lập pháp, quốc gia cần đến những nhà lập pháp thông thái, có khả năng đưa ra những dự luật phản ánh ý chí chung để nhân dân biểu quyết. Nhà lập pháp phải có khả năng thuyết phục nhân dân chấp thuận các dự luật, bởi vì nhà lập pháp không có quyền sai khiến nhân dân làm theo ý muốn của mình. Tọa tụng của Rousseau cho ta thấy hai khía cạnh của vấn đề thống nhất quyền lực: thứ nhất, thống nhất quyền lực là sự thống nhất về ý chí nhân dân; thứ hai, ý chí thống nhất đó được tổ chức thành cơ quan quyền lực nhà nước tối cao – cơ quan lập pháp.

Cơ quan hành pháp được thành lập trên cơ sở của luật pháp chứ không phải trên cơ sở của khế ước xã hội như cơ quan lập pháp. Bất cứ hình thức này của cơ quan hành pháp đều phải phục vụ cơ chế dân chủ, tức cơ quan lập pháp đặt ra là “một cơ thể trung gian giữa các thân dân với cơ quan quyền lực tối cao, thi hành luật, giữ gìn quyền tự do dân sự cũng như tự do chính trị” [40,122]. Việc tổ chức chính phủ, theo Rousseau, là “sắp xếp thế nào để luôn luôn có thể sẵn sàng hy sinh chính phủ vì nhân dân chứ không phải hy sinh nhân dân vì chính phủ” [40,128]. Ông cũng cảnh báo rằng, mỗi lần thay đổi hình thức chính phủ đều là nguy hiểm và chỉ nên thay đổi chính phủ khi nó không thể dung hòa với quyền lợi chung.

Rousseau còn nêu lên một cơ chế cụ thể để bảo vệ ý chí chung của nhân dân, đó là tổ chức hoạt động của cơ quan toạ pháp. Cơ quan này cũng do cơ quan lập pháp lập nên. Vai trò của cơ quan toạ pháp là bảo tồn luật và các quyền lập pháp. Ngoài ra, cơ quan toạ pháp còn là trọng tài giữa nhân dân và chính quyền, bảo vệ cho cả hai phía và có thể ngăn chặn các hành động gây hại cho bất cứ phía nào. Cơ quan toạ pháp không có một chút quyền lập pháp hay quyền hành pháp nào cả. Đó là cơ quan thiêng liêng nhất và được coi trọng nhất vì nó là người bảo vệ luật.

Qua những phân tích quan điểm của Rousseau về tổ chức quyền lực nhà nước, có thể thấy ông khẳng định: Toàn thể dân chúng là cơ quan lập pháp với

chủ quyền tối thượng (nếu số lượng dân chúng đông thì có thể thành lập cơ quan đại diện), hành pháp và tọng pháp đều do lập pháp lập ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân. Đây là yếu tố cơ bản để đảm bảo tính tập trung thống nhất của quyền lực nhà nước.

Bên cạnh những tọng tưởng về sự thống nhất quyền lực trong cách tổ chức quyền lực nhà nước của Rousseau, nhà triết gia Hegel cũng đưa ra những lý thuyết cụ thể về sự thống nhất quyền lực nhà nước, trong đó vẫn có sự phân định của các bộ phận quyền lực nhà nước.

Trong nhà nước lý tưởng của Hegel tức Nhà nước đạo đức thì có sự phân quyền nhưng không theo mô hình tam quyền phân lập của Montesquieu, trái lại theo mô hình phân công trong sự thống nhất hữu cơ của nhà nước. Hegel xem xét nhà nước và các cơ quan quyền lực của nó như một chỉnh thể, một cái toàn bộ. Ông cho rằng, các cơ quan quyền lực là sự phân hóa nội tại của bản thân nhà nước trong sự vận động, phát triển có tính tất yếu của nó. Các bộ phận này vừa có sự khác biệt, vừa có sự đồng nhất và giữa chúng có mối liên hệ mật thiết với nhau. Hegel không đồng tình với quan niệm cho rằng, các cơ quan lập pháp, hành pháp và tọng pháp là có sự độc lập tự tồn, tách rời hoàn toàn với nhau. Hegel hiểu rằng, đây là ba bộ phận của một cơ cấu hữu cơ, do đó, không thể xếp bộ phận này nằm cạnh bên một bộ phận khác mà không hề có mối liên hệ hay ràng buộc nhau nào. Ông xem thuyết tam quyền phân lập, về một phương diện nào đó, là biểu hiện của tọng duy siêu hình trong việc giải đáp vấn đề phương thức tổ chức nội dung của quyền lực nhà nước. Hegel viết: “việc lấy cái phủ định làm điểm xuất phát và biến ác tâm và sự mất lòng tin của ác tâm thành yếu tố hàng đầu, và rồi, từ tiền giả định đó, bày đặt ra các con đê ngăn chặn đầy khôn khéo mà hiệu quả của chúng lại phụ thuộc vào các con đê đối phó ngược lại, xét về mặt tâm thế, là đặc điểm của loại giác tính phủ định, và, xét về mặt tâm thế, là đặc điểm của nhãn quan của lớp “dân đen””[16,725]. Thậm chí Hegel còn xem mô hình tam quyền phân lập là sự phá hủy nhà nước, là biểu hiện của tâm thế dân đen. Phương án của Hegel trong vấn đề này là có sự phân công giữa ba cơ

quan quyền lực trong sự thống nhất hữu cơ của nhà nước. Theo đó, sự sống còn của Nhà nước là dựa trên sự thống nhất này. Đến lượt mình, mỗi quyền lực trong các quyền lực của Nhà nước, tự bản thân nó là một cái toàn thể hay một cái toàn bộ cá biệt. Cụ thể, sự phân chia quyền lực giữa các cơ quan của nhà nước là:

Quyền lực của quốc vương (quyền của tính cá biệt): Hegel quan niệm, quyền lực của quốc vương là đỉnh cao và là chỗ bắt đầu của cái toàn bộ, tức của chính thể quân chủ lập hiến. Quốc vương “là người có trách nhiệm trực tiếp và duy nhất trong việc chỉ huy lực lượng vũ trang, xử lý quan hệ với các Nhà nước khác thông qua các sứ thần..., quyết định về chiến tranh và hòa bình cũng như ký kết các hiệp ước đủ mọi loại” [16,820]. Như vậy, quốc vương, trong tư tưởng của Hegel, không phải là một vị quốc vương chuyên chế, mà là một vị quốc vương hợp hiến.

Quyền lực hành pháp (tính đặc thù) bao gồm những người đứng đầu hệ thống dịch vụ dân sự, hệ thống tòa án, cảnh sát,... Quyền hành pháp đảm nhận việc giải quyết mâu thuẫn nảy sinh tất yếu của xã hội dân sự giữa một bên là lợi ích cá nhân với một bên là những công việc đặc thù của cộng đồng. Nó làm việc với sự quá độ từ cái phổ biến sang cái đặc thù và cái cá biệt. Các lợi ích đặc thù và cái cá biệt. Các lợi ích đặc thù từ các nhóm xã hội khi có được sự thừa nhận về mặt pháp lý trở thành cái phổ biến. Để thực hiện được nhiệm vụ căn bản này của cơ quan hành pháp, Hegel cho rằng cốt lõi của sự vận hành này chính là đội ngũ viên chức không chỉ có kỹ năng nghề nghiệp mà có cả ý thức trách nhiệm đối với công việc (điều cực kỳ chính xác và cấp thiết trong các nhà nước hiện nay).

Quyền lập pháp (quyền của tính phổ biến): đây là quyền lực quy định và thiết lập cái phổ biến. Nó gồm một hệ thống lưỡng viện: Thượng viện dành cho giới quý tộc không qua bầu cử; Hạ viện gồm đại biểu của xã hội dân sự trên cơ sở đề cử của những hiệp hội. Quyền lập pháp này đại diện cho ý chí của tất cả các giai tầng xã hội. Để lập luận về chức năng của cơ quan lập pháp, Hegel bắt

đầu đi từ quan niệm cho rằng sự tồn tại của những quy định chung trong xã hội là một nhu cầu tất yếu để duy trì sự ổn định và cùng tồn tại của các thành viên trong đó, nhưng không phải mọi người đều cảm nhận và biết về nó. Chỉ khi pháp quyền được xác lập, trong tính phổ biến chung của mình, những quy định luật pháp mới tìm được sự khẳng định mình trong sự hiểu biết và tuân thủ chúng.

Trong mô hình phân quyền của Hegel, bản tính của khái niệm về nhà nước nhỏ là thước đo và tiêu chuẩn duy nhất. Biết rằng, với Hegel, khái niệm có ba sự quy định logic là tính phổ biến, tính đặc thù và tính cá biệt và ba quyền lực cơ bản của nhà nước – quyền lập pháp, quyền hành pháp và quyền của quốc vương – tương ứng chính xác với ba sự quy định đó. Chính bởi Hegel quan niệm nhà nước nhỏ một chỉnh thể sống động, nên việc “giải phẫu” hay chia tách nó thành các bộ phận tách rời nhau thì khi đó nhà nước hiện ra không phải là một “cơ thể sống” nữa mà chỉ là những xác chết mà thôi. Như vậy, đối với Hegel, cái bộ phận và cái toàn bộ là thống nhất không những ở trong bản thân đối tượng hiện thực mà còn ở trong khái niệm tức cái tinh thần.

Hegel phê phán thuyết tam quyền phân lập rằng nó đã sai lầm trong việc: thứ nhất, thừa nhận sự độc lập - tự tồn tuyệt đối của các cơ quan quyền lực của nhà nước với nhau; thứ hai, “nó lý giải phiên diện mối quan hệ giữa các quyền lực ấy với nhau nhỏ là mối quan hệ phủ định, nhỏ là sự hạn chế lẫn nhau. Trong cách nhìn này, phản ứng của mỗi quyền lực trước các quyền lực khác là một phản ứng của sự thù địch và lo sợ, nhỏ thể trước một cái xấu, và sự quy định của chúng với nhau là ở chỗ chúng đối lập nhau, và, nhờ sự đối trọng này, tạo nên một sự cân bằng chung, thay vì một khối thống nhất sinh động” [16,724]. Sự thật, dù kể thừa một phần tương ứng tam quyền phân lập của Locke và Montesquieu, nhưng Hegel lại không thừa nhận quan niệm về sự chế ước và kiểm soát lẫn nhau của các cơ quan quyền lực nhà nước, vì theo ông, nó tạo ra sự dè dặt, nghi kỵ và đối đầu, phá vỡ tính thống nhất hữu cơ bên trong nhà nước. Tuy sự phê phán của Hegel đối với thuyết tam quyền phân lập của

Montesquieu đã có điểm tích cực trong phương án đề xuất của ông về sự phân quyền trong

Nhà nước đạo đức lại không phải là một bản thiết kế tối ưu. Bằng chứng là trong đại đa số những quốc gia hiện đại, mô hình tam quyền phân lập vẫn là lựa chọn hàng đầu, tuy nó có nhiều biến thể khác nhau. Thực tế là, phương án mà Hegel đưa ra có thể xem như một bước kéo lùi so với quan niệm của các nhà tư tưởng thời Khai sáng. Đó là bởi Hegel đã xếp đặt cơ quan tư pháp thành một bộ phận nằm trong hành pháp. Theo đó, tư pháp không có sự độc lập tương đối trong thể kiểm soát và cân bằng quyền lực với lập pháp và hành pháp. Dường như Hegel không thể tưởng tượng được rằng, có thể có một sự lạm quyền của cơ quan hành pháp đối với hoạt động tư pháp, do đó, sự độc lập của tư pháp là một yêu cầu tối cao trong nhà nước pháp quyền. Hơn nữa, trong tư tưởng phân quyền của Hegel bộc lộ sự thiếu vắng của tòa án hiến pháp, tòa án hành chính và việc diễn chế hoá những nhân quyền và dân quyền cơ bản để bảo vệ nhân dân trước sự lạm quyền của các cơ quan Nhà nước.

Điểm tích cực trong mô hình tổ chức quyền lực nhà nước của Hegel, trước hết, có thể nói, Hegel là một trong số những người đầu tiên đã nhìn ra những hạn chế tồn tại trong mô hình tam quyền phân lập của Montesquieu. Ông cho rằng, việc kiểm soát quyền lực không chỉ được thực hiện từ phía nhà nước mà còn cần phải chịu kiểm soát từ phía xã hội dân sự, từ phía nhân dân, người chủ đích thực của quyền lực nhà nước. Như thế, Hegel đã nhận nhìn sự tồn tại và xung đột của các lợi ích nhóm gắn liền với các nhóm lợi ích khác nhau trong nhà nước pháp quyền. Theo Hegel, đối với các viên chức, quan chức này thì cần phải có sự giáo dục về đạo đức và trí tuệ, cần phải đào tạo ra một đội ngũ viên chức chuyên nghiệp làm nòng cốt. Nhưng mặt tiêu cực của Hegel là ở chỗ, ông coi nhân dân gồm những cá nhân không khác gì “đám đông ô hợp”, là một lực lượng mù quáng, hoang dã và vô hình thái. Ông nhìn nhận tình trạng của nhân dân là một tình trạng của sự vô pháp luật, vô đạo đức và cần có sự kiểm soát quyền lực của quần chúng nhằm không để cho chúng trở thành một cực đối lập lại với nhà nước hữu cơ.

Nhạy vậy, Hegel không thực sự tin tưởng vào dân chủ và trí tuệ quần chúng trong việc kiểm soát quyền lực nhà nước từ phía bên dưới. Ông đặt ra vấn đề này chỉ nhằm điều hòa mâu thuẫn giai cấp cũng nhạy bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị. Ngoài ra, Hegel nhận thấy việc phân tán hay tách biệt quyền lực càng lớn, càng sâu thì việc kiểm soát giữa các quy định pháp luật với các chuẩn mực luân lý có mối liên hệ, quy định lẫn nhau. Sự thực, trong tư tưởng của Hegel thì nhà nước chính là hiện thân của ý niệm đạo đức, nhạy là bản thể/bản chất đạo đức. Nhà nước ra đời nhằm dung hòa mâu thuẫn về quyền lợi giữa người giàu và người nghèo, giữa các đẳng cấp, tránh khỏi tình trạng thù địch, vị kỷ của mối quan hệ giữa người với người trong xã hội dân sự được ví nhạy “chó sói với chó sói”, qua đó, đem lại sự phát triển cho mỗi cá nhân và toàn xã hội.

Nhạy vậy có thể thấy, quan niệm của Hegel về pháp quyền và sự phân định chức năng của các bộ phận quyền lực trong nhà nước có nhiều yếu tố hợp lý. Ông đã chỉ ra được những mâu thuẫn, điểm hạn chế trong học thuyết “tam quyền phân lập” của Montesquieu, đồng thời phát triển thêm tư tưởng về sự thống nhất quyền lực của Rousseau.

**Kết luận chương I.** Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng, trong mỗi một mô hình nhà nước khác nhau sẽ cho ra đời những cách thức tổ chức quyền lực nhà nước khác nhau, từ đó các hệ thống và thực thi quyền lực trong mỗi nhà nước cũng không hề giống nhau. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, mầm mống tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước đã xuất hiện từ nhà nước Athen của Hy Lạp cổ đại. Cùng với sự phát triển của nhân loại, những mầm mống tư tưởng đó ngày càng được bổ sung, hoàn thiện và phát triển phù hợp với tình hình kinh tế cũng nhạy bối cảnh chính trị - xã hội của từng giai đoạn lịch sử nhất định. Trong các thời kỳ lịch sử phương Tây khác nhau, tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước liên được kế thừa và phát triển và đỉnh cao là trong thời kỳ cận – hiện đại với tư tưởng của các nhà triết gia lúc bấy giờ. Nếu Locke và Montesquieu đều phát triển lý thuyết phân quyền trong tổ chức quyền lực nhà nước, cho rằng đó là mô hình hợp lý, đúng đắn, dân chủ nhất của thời đại thì hai

nhà triết gia sau này là Rousseau và Hegel lại phê phán lý thuyết phân quyền, từ đó xây dựng tị tịởng thống nhất quyền lực nhà nước, trong đó vẫn có sự phân định các bộ phận quyền lực nhà nước. Dù là phân quyền hay thống nhất quyền lực, thì tị tịởng của các ông đều có ý nghĩa to lớn trong công cuộc xây dựng mô hình tổ chức quyền lực nhà nước, và giá trị của các tị tịởng ấy vẫn luôn đợc nghiên cứu, kế thừa, bổ sung và hoàn thiện trong giai đoạn ngày nay.

## **CHƯƠNG II. NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM VÀ Ý NGHĨA TỌI TỌIỜNG VỀ CÁCH THỨC TỔ CHỨC QUYỀN LỰC NHÀ NƯỚC CỦA CÁC NHÀ TRIẾT HỌC PHƯƠNG TÂY CẬN – HIỆN ĐẠI ĐẾN VIỆC XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XHCN VIỆT NAM**

### ***2.1. Một số khái quát chung về Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam***

#### **2.1.1. Quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam**

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, xây dựng và củng cố nhà nước kiểu mới, Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn xuất phát từ thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam, vận dụng sáng tạo các quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, đồng thời nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc những giá trị tinh hoa của nhân loại, trong đó có tọi tọiờng về nhà nước pháp quyền, về tổ chức nhà nước và kinh nghiệm vận dụng các học thuyết đó của các nước trên thế giới để tham khảo, áp dụng trong hoàn cảnh của nước ta một cách phù hợp. Đây là quá trình tìm tòi, nghiên cứu, tiếp thu có chọn lọc và sáng tạo, không máy móc, giáo điều của Đảng ta về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước trong quá trình xây dựng và củng cố nhà nước kiểu mới của dân, do dân và vì dân.

Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN) Việt Nam của dân, do dân, vì dân là một quá trình gắn với hoạch định và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện của Đảng xuất phát từ kinh tế - chính trị - văn hóa trong nước và những ảnh hưởng của nhiều tác động trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Một mặt, nó là sự tiếp nối, kế thừa những thành tựu của quá khứ, phát triển và hoàn thiện thêm một bước, mặt khác, nó lại chứa đựng nhiều nội dung mà quá khứ chưa từng biết đến. Trong các kỳ Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam, nội dung về xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN luôn là một nội dung quan trọng, nòng cốt của Đảng, điều này được thể hiện trong các văn bản của các Đại hội:

Với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, những giá trị hợp lý của lý thuyết phân quyền đã được Đảng ta tham khảo và tại Đại hội IX, Đảng đã

khẳng định: “Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tọng pháp” [8, 131-132].

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (2006), Đảng Cộng sản Việt Nam xác định phải tiếp tục đẩy mạnh cải cách tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước, phát huy dân chủ, tăng cường pháp chế. Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã được đặt ra như một nhiệm vụ chiến lược trong suốt thời kỳ quá độ vì mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Từ quan điểm thực tiễn, Đảng ta đã khẳng định: “Đẩy mạnh công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên các mặt”.

Đại hội lần thứ XI của Đảng Cộng sản Việt Nam (2011) biểu quyết thông qua việc “Đẩy mạnh việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam”. Văn kiện Đại hội nhấn mạnh: “Trong điều kiện Đảng ta là Đảng cầm quyền và có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, phương thức lãnh đạo của Đảng chủ yếu bằng nhà nước và thông qua nhà nước” [10,159].

Trong Văn kiện trình Đại hội XII của Đảng, mục “Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa” đã thể hiện bước phát triển quan trọng về nhận thức Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với bốn nội dung như sau: 1) Đảng cầm quyền, lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa bằng pháp luật; 2) Hoàn thiện thể chế, chức năng, nhiệm vụ, phương thức và cơ chế vận hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; 3) Hoàn thiện tổ chức và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; 4) Đảng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

Có thể thấy, chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN là một sáng tạo trong tọng duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn của Đảng ta về tổ chức bộ máy

nhà nước nói riêng và tổ chức quản lý xã hội nói chung. Từ chỗ cơ bản quan tâm đến các vấn đề tổ chức quyền lực nhà nước (kiện toàn tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan trong bộ máy nhà nước,...), tiếp đến việc xác lập nguyên tắc pháp quyền XHCN, coi trọng tính pháp quyền trong tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước.

Quan điểm trên của Đảng đã được thể chế hóa tại Hiến pháp 2013: “Nhà nước Cộng hòa XHCN Việt Nam là nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Nước Cộng hòa XHCN Việt Nam do Nhân dân làm chủ; tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân... Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp, kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp” [15](Điều 2). Quyền lực nhà nước là thống nhất ở nhân dân thông qua người đại diện của họ, nhằm đảm bảo tính thống nhất, nhất quán trong tổ chức cũng như sử dụng quyền lực. Sự tập trung không những không đối lập với việc phân công, phân nhiệm mà ngược lại đòi hỏi sự phân định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của bộ máy nhà nước thực hiện quyền lực.

Như vậy, có thể khẳng định việc Đảng và Nhà nước thừa nhận phân công, phân nhiệm trong tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước là một bước tiến về nhận thức lý luận. Cả lý luận và thực tiễn đều đặt ra yêu cầu tất yếu rằng, giữa các cơ quan nhà nước cần có sự kiểm soát, kiểm chế, giám sát lẫn nhau. Nắm vững nguyên tắc này có ý nghĩa chỉ đạo hoạt động thực tiễn tổ chức và phân công quyền lực nhà nước trong bộ máy nhà nước. Đảng và Nhà nước ta đã chủ trương phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền và giữa các cơ quan trung ương với địa phương. Điều đó có nghĩa là trong quá trình cải cách, xây dựng và hoàn thiện bộ máy nhà nước phải coi trọng việc xác định rõ chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của các cơ quan trong việc thực hiện ba quyền và giữa cơ quan trung ương với chính quyền địa phương để hạn chế sự lạm quyền, lộng quyền, chồng chéo và cản trở công việc

của nhau. Tuy nhiên, không phải vì phân công, phân nhiệm rạch ròi mà các cơ quan nhà nước lại không phối hợp với nhau, cản trở nhau.

### **2.1.2. Các đặc điểm của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam**

Nhà nước pháp quyền Việt Nam là nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa (XHCN), ngoài việc đảm bảo các tiêu chí của nhà nước pháp quyền nói chung, nhà nước pháp quyền XHCN nói riêng, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam còn có một số những đặc điểm sau:

*Thứ nhất, trong nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân (nhân dân là chủ thể quyền lực nhà nước).*

Cái gốc của nhà nước pháp quyền là xác lập dân chủ, tức là thừa nhận và bảo đảm thực hiện quyền lực của nhân dân. Nói cách khác, nhà nước pháp quyền thể hiện quyền lực nhà nước một cách chính đáng nhất: trong khuôn khổ của một chế độ chính trị, quyền lực nhà nước phải được xác lập và thực hiện trên cơ sở nhân dân đích thực là người chủ quyền lực. Đòi hỏi đầu tiên là nhà nước phải là sản phẩm ý chí của nhân dân. Việc sử dụng và thực thi quyền lực nhà nước phải phản ánh được sự tôn trọng đó.

Hồ Chí Minh luôn nhấn mạnh “Nhà nước ta là một nhà nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân vì dân là chủ” [25,515]; “Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là chủ” [26,499]. Với Hồ Chí Minh nhân dân là chủ thể tối cao và duy nhất của quyền lực nhà nước. Toàn bộ quyền lực nhà nước đều bắt nguồn từ nhân dân, do nhân dân uỷ quyền cho bộ máy nhà nước thực hiện, nhằm phụng sự lợi ích của nhân dân. Bộ máy nhà nước được thiết lập là bộ máy thừa hành ý chí, nguyện vọng của nhân dân, đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước không thể là các ông quan cách mạng mà là công bộc của nhân dân. Là nhà nước của dân, do chính nhân dân lập qua thông qua chế độ bầu cử dân chủ. Bầu cử dân chủ là phương thức thành lập bộ máy nhà nước đã được xác lập trong nền chính trị hiện đại, đảm bảo tính chính đáng của chính quyền khi tiếp nhận sự uỷ quyền quyền lực từ nhân dân.

Tại tọng về một nhà nước của dân, do dân, vì dân đã đợc thể chế hoá thành một mục tiêu hiến định ngày trong bản Hiến pháp đầu tiên của chính thể dân chủ cộng hoà ở nước ta - Hiến pháp 1946: “Xây dựng một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân” (Lời nói đầu - Hiến pháp 1946). Trong Văn kiện Đại hội lần thứ IX, Đảng ta tiếp tục khẳng định: “Nhà nước ta là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân” [9,131].

Khẳng định quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân không chỉ là khẳng định một nguyên tắc cơ bản đợc ghi nhận trong Hiến pháp mà còn khẳng định sự cần thiết phải lập ra cơ chế đảm bảo thực hiện quyền lực thực sự của nhân dân.

Nhân dân ta, người chủ của quyền lực, không chỉ tạo lập nên nhà nước của mình, trực tiếp và thông qua các cơ quan đại diện cho mình thực thi quyền lực, mà còn thông qua các hình thức khác để tham gia vào hoạt động quản lý của nhà nước, tác động mạnh mẽ đến quá trình hoạch định chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước, cũng như tham gia vào các hoạt động thuộc phạm vi của Nhà nước – hoạt động lập pháp, hoạt động quản lý – điều hành, hoạt động tọng pháp và các hoạt động khác.

Cũng từ đó có thể khẳng định tiêu chí của việc đánh giá hiệu quả hoạt động của Nhà nước là khả năng phục vụ nhân dân, là công cụ để nhân dân làm chủ về kinh tế, chính trị, xã hội, sử dụng tốt và có hiệu quả các quyền, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của mình. Ở khía cạnh thứ nhất có thể thấy tính pháp quyền của quyền lực nhà nước đợc xem xét thông qua việc khẳng định và đảm bảo quyền lực đó là của nhân dân, giữ cho nó luôn luôn nằm trong quỹ đạo phục vụ nhân dân. Ở khía cạnh thứ hai, vấn đề đặt ra là làm thế nào để nhân dân ủy nhiệm cho nhà nước thực hiện quyền lực của mình mà không bị mất quyền và không để xảy ra tình trạng lạm quyền từ phía các cơ quan nhà nước.

Thực chất đặc điểm này của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam nhằm đảm bảo tính giai cấp, tính nhân dân của Nhà nước ta. Tất cả quyền lực nhà

nước thuộc về nhân dân và do nhân dân định đoạt, nhân dân quyết định phơng

thức tổ chức, xây dựng và vận hành của bộ máy quyền lực nhà nước nhằm đáp ứng ngày càng cao lợi ích của nhân dân và của toàn bộ dân tộc. Đây còn là sự thể hiện về tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa so với chế độ khác.

*Thứ hai, trong nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam, nhà nước tổ chức theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, nhưng có sự phân công, phối hợp trong thực hiện quyền lực nhà nước.*

Quan điểm và tính thống nhất của quyền lực, về sự phân công, phối hợp giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và toạ pháp là một quan điểm chính trị - pháp lý khái quát. Nói quyền lực nhà nước thống nhất không có nghĩa là sự tập trung quyền lực cao độ vào một nhánh quyền lực nào theo kiểu phân lập giữa các nhánh quyền lực đó mà là sự thống nhất ở mục tiêu chung là phục vụ lợi ích của dân tộc, của đất nước, của nhân dân. Hơn nữa, xét về bản chất, bản thân quyền lực nhà nước là thống nhất, nó thuộc về một chủ thể nhất định là một giai cấp cầm quyền. Tuy nhiên, tính thống nhất đó không phải là tuyệt đối bởi lẽ nó phải được thể hiện thông qua các nhánh của quyền lực: lập pháp, hành pháp, toạ pháp theo sự phân công của xã hội đối với từng nhánh quyền lực đó. Như vậy, tính thống nhất bao gồm cả sự phân công và sự phối hợp đó nằm trong thể thống nhất của quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, xét theo cơ chế tổ chức thì quyền lực nhà nước cao nhất (những chức năng và thẩm quyền cao nhất, lớn nhất) phải nằm trong tay những cơ quan đại diện cho nhân dân vì xét đến cùng, thì đó chính là quyền lực của nhân dân và nhân dân giao phó quyền lực cho các đại diện của mình.

Bắt đầu từ Đại hội Đảng lần thứ VII (1991), với Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, quan điểm về sự tồn tại của ba quyền và sự phân công, phối hợp giữa ba phạm vi quyền lực đó của Nhà nước mới được chính thức khẳng định trên cơ sở tiếp thu, kế thừa, phát triển, vận dụng vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt Nam các tri thức của nhân loại và trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước. Và đến Hội nghị Trung ương lần thứ tám (khóa VII),

(1995) quan niệm của Đảng về ba quyền đã được bổ sung quan trọng: “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, toạ pháp” [9,131]. Nghị quyết đại hội XI và Chương trình xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đều có bổ sung quan tâm vấn đề kiểm soát quyền lực trong cơ chế tổ chức quyền lực nhà nước ở nước ta. Theo đó nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và toạ pháp đã được hoàn thiện một bước quan trọng. Quan điểm về sự thống nhất quyền lực nhà nước có sự phân công, phối hợp, kiểm soát chặt chẽ giữa ba quyền và quyền lực nhà nước là một quan điểm có tính nguyên tắc chỉ đạo trong thiết kế mô hình tổ chức Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

Theo Hiến pháp và pháp luật, Quốc hội là cơ quan duy nhất được giao thực hiện thẩm quyền lập pháp, bên cạnh đó Quốc hội còn được giao thực hiện 13 nhiệm vụ nữa (Điều 2 Luật Tổ chức Quốc hội năm 2001); Chính phủ được phân công thực hiện thẩm quyền hành pháp; Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao được phân công thực hiện thẩm quyền toạ pháp. Như vậy, Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao không phải là cơ quan được giao nhiệm vụ lập pháp, nhưng hiện nay Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức Viện Kiểm sát nhân dân, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân lại quy định các cơ quan đó trình các dự án luật, pháp lệnh trước Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Có ý kiến cho rằng, không nên giao cho Chính phủ, Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân tối cao chủ trì soạn thảo và trình Quốc hội các dự án luật, pháp lệnh, vì đây là thẩm quyền của Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội; hơn nữa, khái niệm lập pháp phải bao hàm toàn bộ nội dung của quá trình soạn thảo dự án luật, thông qua và ban hành luật, có như vậy mới bảo đảm tính khách quan toàn diện và chất lượng văn bản pháp luật.

*Thứ ba, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam quản lý xã hội bằng pháp*

*luật, bảo đảm vị trí tối thượng của pháp luật trong đời sống xã hội.*

Pháp luật xã hội chủ nghĩa của chúng ta là kết quả của thể chế hoá đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam trên tất cả các mặt kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, giáo dục khoa học, đối nội, đối ngoại. Pháp luật thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân, phù hợp với hiện thực khách quan, thúc đẩy tiến bộ xã hội. Vì vậy, nói đến pháp luật trong Nhà nước pháp quyền là nói đến tính pháp luật khách quan của các quy định pháp luật, chứ không phải chỉ nói đến nhu cầu đặt ra pháp luật, áp dụng pháp luật, tuân thủ pháp luật một cách chung chung với mục đích tự thân của nó.

Pháp luật của Nhà nước ta phản ánh đường lối, chính sách của Đảng và lợi ích của nhân dân. Vì vậy, pháp luật phải trở thành phương thức quan trọng đối với tính chất và hoạt động của Nhà nước và là thước đo giá trị phổ biến của xã hội ta: công bằng, dân chủ, bình đẳng - những tố chất cần thiết cho sự phát triển tiến bộ và bền vững của nhà nước và xã hội ta. Nhà nước pháp quyền đặt ra nhiệm vụ phải có một hệ thống pháp luật cân và đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội, làm cơ sở cho sự tồn tại một trật tự pháp luật và kỷ luật. Pháp luật thể chế hoá các nhu cầu quản lý xã hội, là hình thức tồn tại của các cơ cấu và tổ chức xã hội và của các thiết chế nhà nước. Vì vậy, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật là lối sống có trật tự và lành mạnh nhất của xã hội. Tất cả các cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và mọi công dân đều phải nghiêm chỉnh chấp hành Hiến pháp và pháp luật.

*Thứ tư, Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.*

Ở Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân là một tất yếu lịch sử và tất yếu khách quan.

Đối với dân tộc Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với nhà nước, đối với xã hội không chỉ là tất yếu lịch sử, tất yếu khách quan mà còn ở chỗ sự lãnh đạo đó có cơ sở đạo lý sâu sắc và cơ sở pháp lý vững vàng. Sự lãnh đạo của Đảng cộng sản - Đảng duy nhất cầm quyền đối với đời sống xã hội

và đời sống nhà nước không những không trái (mâu thuẫn) với bản chất nhà nước pháp quyền nói chung mà còn là điều kiện có ý nghĩa tiên quyết đối với quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ở nước ta. Trong ý nghĩa ấy, nhà nước pháp quyền dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, một Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam hành động là một trong những đặc trưng cơ bản của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước được thể hiện trên những nội dung trọng yếu sau đây:

Thứ nhất, lãnh đạo các cơ quan nhà nước thể chế hóa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng trở thành hiện thực sinh động trong đời sống toàn xã hội. Trong điều kiện hiện nay, việc thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng phải tập trung vào một số vấn đề hết sức then chốt nội thực hiện cho được quyền làm chủ của nhân dân; đổi mới thể chế kinh tế nhằm phát huy mọi tiềm năng của lực lượng sản xuất, đồng thời trên cơ sở ấy, từng bước xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; tăng cường an ninh và quốc phòng.

Thứ hai, Đảng phải lãnh đạo chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do dân nhân và vì nhân dân. Đảng phải tăng cường quản lý đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh. Muốn vậy Đảng phải lãnh đạo công tác quy hoạch và chiến lược cán bộ nói chung trong đó có cán bộ nhà nước, từ đó chăm lo công tác đào tạo kể cả việc đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ, công chức nhà nước theo yêu cầu, nhiệm vụ của tình hình mới theo hướng đội ngũ cán bộ của Đảng và Nhà nước ta thực sự là người lãnh đạo, vừa là người đầy tớ trung thành của nhân dân, theo lời dạy của chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ ba, Đảng phải lãnh đạo công tác kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước. Đảng phải tăng cường công tác kiểm tra các tổ chức Đảng và cán bộ, đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, đảm bảo

công

chức nhà nước thực hiện đúng đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Nhìn tổng quát, nội dung Đảng lãnh đạo xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân và vì dân là rất toàn diện và bao quát toàn bộ những vấn đề then chốt về tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước.

Qua những nội dung trình bày trên đây, chúng ta thấy rằng, trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chúng ta đã tiếp thu được những tinh hoa, những giá trị toàn nhân loại. Đó là các chế định pháp lý, mọi tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, sự tôn trọng và bảo vệ các quyền và tự do của con người như những giá trị xã hội cao quý nhất, sự ngự trị của pháp luật trong các lĩnh vực sinh hoạt của xã hội, tính tối cao của pháp luật trong các lĩnh vực hoạt động của nhà nước và trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội.

## ***2.2. Ý nghĩa tư tưởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại với quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam***

### **2.2.1. Ý nghĩa của tư tưởng phân quyền với việc tổ chức quyền lực nhà nước của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam**

Lý thuyết phân quyền của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại rất có ý nghĩa lớn đối với các nước kém và đang phát triển đang trong quá trình tìm kiếm mô hình dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền. Bên cạnh đó, lý thuyết phân quyền luôn là cơ sở để các quốc gia vận dụng đổi mới phương thức tổ chức quyền lực nhà nước cho phù hợp với sự xuất hiện và biến đổi của những nhân tố chính trị mới. Có thể nói, lý thuyết phân quyền vẫn còn đầy sức sống, những giá trị mang tính phổ quát vẫn đang được khai thác và nhân rộng trong tổ chức quyền lực của rất nhiều các nhà nước, không phân biệt điều kiện kinh tế, văn hóa và chế độ chính trị.

Tư tưởng phân quyền trong cách thức tổ chức nhà nước của Locke và Montesquieu đều có giá trị, ý nghĩa nhất định trong việc xây dựng mô hình Nhà

nhà nước pháp quyền XHCN của nước ta hiện nay, mặc dù nhà nước ta tổ chức quyền lực theo nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất.

Trên thực tế, có thể thấy rằng, những hạt nhân hợp lý trong lý thuyết phân quyền của Locke và Montesquieu cần được chúng ta khai thác triệt để hơn. Nước ta chọn kế thừa và thiết lập được cơ chế kiểm soát quyền lực hữu hiệu ngay trong bản thân bộ máy nhà nước, mà đó mới chính là nội dung cốt lõi của lý thuyết phân quyền. Chính vì quyền lực được tập trung nhưng không được kiểm soát hiệu quả đã dẫn đến tình trạng có nơi, có lúc người dân ủy quyền nhưng bị mất quyền, các quyền tự do bị bó hẹp trên một số lĩnh vực và quyền dân chủ còn mang tính hình thức.

Ở Việt Nam, phương thức kiểm soát quyền lực nhà nước được nhắc đến nhiều nhất không phải thông qua cơ chế kiểm chế và đối trọng mà chủ yếu thông qua chức năng giám sát tối cao của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đó là Quốc hội. Về bản chất, đây là sự thể hiện nguyên tắc tập trung dân chủ. Nguyên tắc này đảm bảo cho nhân dân, thông qua những người đại diện của mình có thể kiểm soát toàn bộ quyền lực nhà nước một cách toàn diện, triệt để nhất. Thế nhưng, trong thực tiễn thì lại hoàn toàn khác. Hoạt động giám sát tối cao của Quốc hội còn hình thức, chọn trọng xứng với vị thế cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Hệ thống các cơ quan thanh tra, kiểm tra tuy khá đầy đủ nhưng chọn phát huy được vai trò của mình, khả năng phát hiện và xử lý tham nhũng, tiêu cực thấp. Các cơ quan toạ pháp thiếu tính độc lập, khách quan và công bằng, chọn thực sự là cán cân công lý trong việc bảo vệ pháp luật và bảo vệ quyền lợi của người dân, trừng trị những kẻ tham nhũng.

Thực trạng trên không chỉ làm suy yếu chức năng của các nhánh quyền lực trong việc thực thi các quyền lập pháp, hành pháp và toạ pháp, mà còn trở thành lực cản rất lớn đối với quá trình thực thi dân chủ trong xã hội. Chính vì vậy, đã đến lúc chúng ta nên nghiêm túc xem xét lại những giá trị tích cực của lý thuyết phân quyền, phải phân biệt rõ tính chính trị (quyền lực nhà nước là của ai, do giai cấp nào nắm giữ) và tính kỹ thuật (việc tổ chức, sắp xếp các cơ quan nhà

ngược sao cho hoạt động hiệu quả) của lý thuyết phân quyền, khắc phục tình trạng quá nhấn mạnh mặt chính trị mà xem nhẹ tính kỹ thuật của lý thuyết này trong tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước. Có như vậy, chúng ta mới thấy được tính khách quan và đầy đủ về ý nghĩa của lý thuyết này và vận dụng nó trong quá trình đổi mới hệ thống chính trị, cải cách bộ máy nhà nước theo hướng pháp quyền XHCN.

Do đó, có thể vận dụng trọn vẹn phân quyền của Locke và đặc biệt là thuyết tam quyền phân lập của Montesquieu trong tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước ở nước ta cần tập trung vào hai nội dung cơ bản sau:

*Thứ nhất*, tiến hành sự phân công, phân lập rạch ròi về mặt chức năng, thẩm quyền giữa các nhánh quyền lực và thể chế hóa cụ thể, rõ ràng trong Hiến pháp nhằm tạo sự ổn định trong hoạt động của bộ máy nhà nước. Theo đó, Quốc hội phải thực sự là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, được bầu theo đúng nguyên tắc tranh cử, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Quốc hội phải hoạt động thường xuyên, liên tục, các thành viên của nó không được kiêm nhiệm các chức vụ ở các nhánh quyền lực khác, có như vậy mới nâng cao tính chuyên nghiệp trong việc làm luật và giám sát việc thực thi pháp luật. Chính phủ (với tư cách tập thể cũng như cá nhân) phải được cải cách theo hướng xây dựng một ngành hành pháp mạnh, thực sự là cơ quan hành pháp cao nhất, nghĩa là được trang bị đủ thẩm quyền pháp lý để có thể độc lập giải quyết những vấn đề do nhiệm vụ thực thi pháp luật đặt ra và phải chịu trách nhiệm về những quyết định của mình. Để nâng cao tính chuyên nghiệp trong bộ máy hành pháp, Chính phủ cần phân biệt rõ hoạt động chính trị chuyên nghiệp với hoạt động chuyên môn thuần túy để làm cơ sở cho quá trình cải cách bộ máy hành chính hiện nay.

Đối với cơ quan tư pháp, cải cách tổ chức và hoạt động tư pháp hiện nay phải tập trung vào việc nâng cao năng lực cho tổ chức hoạt động của tòa án trên những nguyên tắc cơ bản của Hiến pháp, trong đó nguyên tắc tòa án xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là một nguyên tắc tối thượng. Để được như vậy

thì tổ chức hoạt động của tòa án phải theo hướng: thẩm phán tòa án tối cao (một số

loại) phải do Quốc hội bầu. Tòa án tối cao chỉ quản lý về mặt hành chính chứ không can thiệp về mặt chuyên môn đối với hệ thống tòa án và có quyền bổ nhiệm các thẩm phán cho tòa án cấp dưới. Điều này sẽ góp phần tạo ra sự độc lập trong hoạt động của hệ thống tòa án cũng như quyết định của các thẩm phán, khắc phục được tình trạng bị chi phối về mặt chính trị hay can thiệp trong quá trình xét xử, nhất là việc xét xử các quan chức cấp cao. Đồng thời, tòa án tối cao cần được bổ sung thêm chức năng bảo vệ Hiến pháp, có thẩm quyền giải thích Hiến pháp, bác bỏ các đạo luật vi phạm Hiến pháp cũng như xét xử tất cả các hành vi vi phạm Hiến pháp.

*Thứ hai*, thực tiễn cho thấy quyền lực chịu sự kiểm soát chặt chẽ thì các cơ quan nhà nước và các quan chức mới thể hiện đầy đủ trách nhiệm của mình, hết lòng hết sức vì dân, khắc phục lạm quyền trong thực thi nhiệm vụ. Chính vì vậy, chúng ta cần cầu thị học tập cơ chế kiểm soát quyền lực mà lý thuyết phân quyền nêu ra và vận dụng sáng tạo trong điều kiện một đảng lãnh đạo, nhằm thiết lập các ràng buộc bên trong đối với quyền lực, đặc biệt là quyền lực của Chính phủ. Cơ chế kiểm soát quyền lực này phải được tổ chức trên cơ sở dùng luật để giới hạn phạm vi của quyền, và khi việc sử dụng quyền lực vượt quá giới hạn hợp pháp của nó thì sẽ tự động dẫn đến sự ngăn chặn và hạn chế của các quyền lực tương ứng. Một cơ chế kiểm soát quyền lực như vậy đòi hỏi phải được thể chế hóa một cách cụ thể. Việc thể chế hóa càng cụ thể và càng chặt chẽ bao nhiêu thì quyền lực càng bị kiểm soát tốt bấy nhiêu, nghĩa là cơ quan nào, người nào làm việc gì, chịu trách nhiệm cá nhân đến đâu, phải rõ ràng và phải bị giám sát.

Tuy nhiên, một vấn đề cần hết sức lưu ý, đó là các nội dung trên phải gắn liền với việc xác định rõ chức năng lãnh đạo của Đảng và chức năng quản lý, điều hành của Nhà nước, từ đó đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, để Đảng lãnh đạo nhưng không bao biện, không làm thay hay can thiệp quá sâu vào công việc của Nhà nước. Nếu không làm được điều này thì mọi nỗ lực vận dụng

lý thuyết phân quyền sẽ bị méo mó, biến dạng, làm cho việc tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước sẽ kém hiệu quả và khó kiểm soát.

Nghiên cứu lý thuyết phân quyền vẫn có ý nghĩa lớn đối với quá trình đổi mới hệ thống chính trị, cải cách bộ máy nhà nước theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của dân, do dân, vì dân. Khai thác lý thuyết phân quyền, cần tập trung làm rõ tính độc lập, chuyên nghiệp hoá trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, đặc biệt là việc tìm ra cơ chế kiểm soát quyền lực hiệu quả nhưng vẫn đảm bảo tính tập trung thống nhất của quyền lực, đề cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trước cơ quan quyền lực của nhân dân. Đó là những vấn đề thuộc về bản chất của nhà nước pháp quyền mà chúng ta đang xây dựng.

### **2.2.2. Ý nghĩa của tọi tởng thống nhất quyền lực nhà nước, có sự phân công, kiểm soát quyền lực giữa các bộ phận quyền lực nhà nước với việc tổ chức quyền lực nhà nước của Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam**

Học thuyết của Rousseau hay của Hegel về cơ cấu tổ chức quyền lực nhà nước là khá gần gũi hay có nhiều điểm tương đồng trong cơ cấu tổ chức quyền lực nhà nước Việt Nam hiện nay với mục tiêu đề ra “Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công phân nhiệm giữa ba quyền lập pháp, hành pháp và tọi pháp”, tuy nhiên cũng có những điểm khác biệt. Mặc dù, vẫn còn tồn tại những điểm khác biệt đó, nhưng có thể nói tọi tởng về thống nhất quyền lực của hai ông có ý nghĩa to lớn, là những đóng góp quan trọng trong công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam hiện nay.

Về vị thế của quyền lập pháp, hành pháp và tọi pháp, trong quan niệm của Rousseau cho rằng, quyền lập pháp là quyền lực tối cao thuộc về nhân dân, đợc ủy quyền cho nghị viện hay quốc hội trong một thời hạn nhất định. Theo ông, nghị viện hay quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất, đại diện cho lợi ích và ý chí chung của toàn thể nhân dân; còn quyền hành pháp chỉ có chức năng chấp hành hay hành chính đối với quyền lập pháp, chịu sự giám sát của chủ

quyền nhân dân (của cơ quan nghị viện hay quốc hội, và toàn thể nhân dân).

Những

ngời tham gia cơ quan hành pháp và cơ quan tị pháp đợc lựa chọn trong số các đại biểu nhân dân để thực thi quyền lực của mình theo ý chí chung của nhân dân. Cơ cấu tổ chức các quyền lực nhà nước theo hướng ưu tiên quyền lập pháp như vậy, có ý nghĩa đối với mô hình tổ chức nhà nước ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam hiện nay. Tuy nhiên, thực tế hiện nay của nước ta, có thể thấy cơ quan đại diện của nhân dân, thể hiện ý chí của nhân dân là Quốc hội, vẫn chưa thể hiện đợc hết quyền lực của mình. Bản thân những ngời đại biểu Quốc hội vẫn chưa có tiếng nói trong hệ thống quyền lực nhà nước. Điển hình trong vụ án của bác sĩ Hoàng Công Lượng đang là một chủ đề nóng của dư luận trong khoảng thời gian vừa qua, trong kỳ họp Quốc hội (28/5/2018), nhiều đại biểu Quốc hội đã lên tiếng bảo vệ, bênh vực và đề nghị Tòa án Hòa Bình xem xét mức án vô tội cho bác sĩ [52]. Tuy nhiên kết luận cuối cùng của Tòa án tỉnh Hòa Bình tuyên án bác sĩ Hoàng Công Lượng là 42 tháng tù [54]. Cùng với đó, hiện nay, không ít những Đại biểu Quốc hội – những ngời đợc nhân dân tin tưởng, giáo phó cho tiếng nói, cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân lại chưa thể hiện hết chức trách, nhiệm vụ của mình. Họ còn thờ ơ trong các vấn đề đảm bảo lợi ích, quyền lợi của nhân dân. Như vậy, nếu xét về lý thuyết về ý chí đại diện cho nhân dân của Rousseau thì có lẽ trong cơ cấu tổ chức của Quốc hội Việt Nam vẫn còn đang tồn tại rất nhiều hạn chế.

Trong các bản hiến pháp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1946, 1959, 1980, 1992 và 2013 ở Việt Nam đều khẳng định về những điểm trên, trong điều 83: “Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất”. Trong nhiều thập kỷ vừa qua ở Việt Nam, theo các bản hiến pháp trước đây, chính phủ đợc coi là cơ quan chấp hành của quốc hội và chính thức đợc thừa nhận là cơ quan hành pháp trong hiến pháp 2013.

Ngoài ra, theo cơ cấu tổ chức quyền lực nhà nước Việt Nam, các đại diện cho quyền hành pháp (Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và các thành viên chính phủ) và quyền Tị pháp (Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao), cũng đồng thời có thể là những đại biểu quốc hội. Tất nhiên, khác

với mô hình tổ chức quyền lực nhà nước của Rousseau, mô hình tổ chức quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay được thực hiện trong điều kiện một Đảng cầm quyền.

Luận điểm của Rousseau và cả Hegel cho rằng, nhân dân có quyền thay đổi các nhà cầm quyền và ngay cả chính hình thức cầm quyền, nếu những người cầm quyền không tuân thủ ý chí chung và khế ước xã hội của nhân dân, sau này được nhiều quốc gia vận dụng thông qua các hình thức bỏ phiếu bất tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm, miễn nhiệm, bãi miễn trong nghị viện hay quốc hội. Ở Việt Nam, việc lấy phiếu tín nhiệm vào năm 2018 đã được tiến hành và bước đầu có được kết quả. Tuy nhiên, hình thức này cần phải và đang được tiếp tục hoàn thiện theo hướng triệt để hơn nhằm tăng cường hiệu năng và làm trong sạch bộ máy quyền lực nhà nước trong bối cảnh của cuộc đấu tranh do Đảng cộng sản Việt Nam phát động chống tình trạng tham nhũng, lãng phí và tình trạng suy thoái đạo đức, lối sống.

Khác với Montesquieu nhìn thấy xu hướng lạm dụng quyền lực của tất cả các cơ quan quyền lực nhà nước như cơ quan hành pháp, tư pháp và cơ quan lập pháp, Hegel không coi cơ quan lập pháp là có nguy cơ lạm dụng quyền lực và đối tượng phải kiểm soát quyền lực, nói khác đi, quyền lập pháp không cần phải bị kiểm soát, bởi ông tin tưởng sâu sắc vào ý chí chung của nhân dân, vào chủ quyền nhân dân gắn liền với quyền lập pháp. Luận điểm này của ông có ý nghĩa không thể phủ nhận đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay, đặc biệt liên quan đến cơ cấu tổ chức, giám sát và kiểm soát các quyền lực nhà nước như cơ quan hành pháp (chính phủ, thủ tướng, các phó thủ tướng, các bộ trưởng,...). Luận điểm này có ý nghĩa quan trọng trong cuộc đấu tranh chống tham nhũng lãng phí, chống nguy cơ suy thoái đạo đức lối sống, nguy cơ chạy theo lợi ích nhóm,...

Quan niệm về vai trò của tư pháp độc lập có ý nghĩa lớn lao đối với việc giải quyết bất cập liên quan đến công tác khiếu nại, tố cáo, thủ tục trình tự, khởi

tố, điều tra, truy tố, xét xử tại các phiên tòa, tình trạng oan, sai và tòn độn của hàng ngàn vụ án ở Việt Nam hiện nay.

Trên cơ sở các giá trị gợi mở từ tở tởng của Rousseau và Hegel, chúng ta có thể hoàn thiện hơn mô hình nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân trong điều kiện hiện nay ở Việt Nam, thông qua việc khắc phục ở mức cao nhất những vấn đề bất cập hiện nay trong các cơ quan quyền lực nhà nước như các cơ quan lập pháp, hành pháp và tở pháp.

*Thứ nhất*, cần đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, sao cho Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất, thực sự Quốc hội của dân, do dân, vì dân, thể hiện ý chí và nguyện vọng chung của toàn thể nhân dân trong hoạt động lập pháp. Quốc hội cần phải thực hiện quyền quyết định các vấn đề trọng đại của đất nước và có quyền giám sát tối cao hoạt động của các cơ quan hành pháp và tở pháp. Muốn vậy, cần đổi mới phương thức và hình thức bầu cử Quốc hội để có thể tìm đại biểu Quốc hội thực sự là các nhà lập pháp theo “đúng nghĩa”, có tài năng thiên bẩm vượt trội, có hiểu biết về lĩnh vực lập pháp và luật học, có khả năng đại diện cho lợi ích và ý chung của toàn thể nhân dân.

Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội liên quan đến một loạt vấn đề như Quốc hội của nước ta hiện nay hoạt động thường xuyên hay định kỳ, tham luận hay tranh luận,... Đại biểu Quốc hội phải thực sự có chất lượng, có thời gian và tâm huyết, phản ánh ý chí, nguyện vọng, lợi ích chung của tầng lớp nhân dân. Cần giảm số đại biểu Quốc hội tham gia chính phủ và các cơ quan hành chính các cấp, các ngành các địa phương đến mức tối thiểu để tránh nguy cơ lợi ích nhóm và thiếu quỹ thời gian cần thiết trong việc thực hiện quyền lập pháp. Quốc hội cần đổi mới căn bản phương thức và quy trình xây dựng luật theo tinh thần hội nhập trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm của các nước tiên tiến trên thế giới sao cho các luật được thông qua phản ánh ý chí, nguyện vọng và lợi ích chung của toàn thể nhân dân, không bị chi phối bởi lợi ích nhóm.

*Thứ hai*, cần cải cách tổ chức bộ máy Chính phủ và cơ quan hành chính địa phương và đẩy mạnh đồng bộ cải cách hành chính nhà nước phù hợp với Hiến pháp 2013 để xây dựng chính phủ và các cơ quan hành pháp thực sự của dân, do

dân, vì dân. Theo điều 94, Hiến pháp 2013, “Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thực hiện quyền hành pháp, là cơ quan chấp hành của Quốc hội”. Với tính cách là cơ quan chấp hành của Quốc hội, Chính phủ có chức năng tổ chức, thực hiện Hiến pháp, các luật, các nghị quyết của Quốc hội, nghị quyết và pháp lệnh của Ủy ban thường vụ Quốc hội, mặc dù Chính phủ vẫn có vị trí độc lập với Quốc hội: “Chính phủ có quyền ban hành các văn bản pháp quy để hướng dẫn thi hành Hiến pháp và các luật, đồng thời có quyền chủ động quản lý điều hành đất nước” [35,166]. Tuy nhiên coi Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội có thể coi là sự thể hiện sự kế thừa đối với tư tưởng triết học chính trị của Rousseau và tư tưởng của Hegel về phân chia và kiểm soát quyền lực chính trị. Chính phủ cần xác định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, phạm vi trách nhiệm của các bộ, ngành, bộ máy hành chính các cấp, cơ chế phối hợp hoạt động giữa Trung ương và các địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả và khắc phục sự chồng chéo và kiên quyết tách chức năng quản lý nhà nước của các bộ khỏi quyền mới có thể tránh nguy cơ lạm quyền, nguy cơ tham nhũng, lãng phí, nguy cơ lợi ích nhóm, nguy cơ trục lợi chính sách có hại cho sự phát triển kinh tế - chính trị, văn hóa – xã hội, tránh được tình trạng tham nhũng lãng phí như tại Vinashin, Vinaline, trong lĩnh vực ngân hàng, kinh doanh bất động sản,... [47]; [48].

Chính phủ cần tập trung vào việc xây dựng, hoàn thiện các thể chế, thực thi pháp luật của các ngành, các cấp, đẩy mạnh cải cách hành chính theo hướng dân chủ, hiện đại, chính phủ điện tử [49], quản lý vĩ mô, phục vụ nhân dân thích ứng với nền điều hành kinh doanh... Cần tránh nguy cơ tuyển dụng các cán bộ công chức yếu kém, không có đủ năng lực, nguy cơ quy hoạch hình thức và nguy cơ “chạy chức chạy quyền” đang ngày một diễn ra nhiều trong các bộ máy chính quyền hiện nay hay nguy cơ tham nhũng của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên.

*Thứ ba*, cần nhanh chóng đưa những giải pháp đột phá trong việc thực hiện cải cách tư pháp nhằm đảm bảo cho cơ quan tư pháp Việt Nam có được tính

độc lập và khả năng kiểm soát quyền lực, trở thành cơ quan tị pháp thực sự của dân,

do dân, vì dân. Cải cách tố pháp ở Việt Nam cần tập trung vào việc tăng cường tính độc lập và thẩm quyền cho hệ thống tòa án các cấp, chuyên nghiệp hóa hoạt động tố pháp, làm cho cơ quan tố pháp trở thành nơi bảo vệ các quyền tự do của công dân được Hiến pháp 2013 thừa nhận và những lợi ích chính đáng nhân dân khỏi sự xâm phạm và vi phạm luật từ các cơ quan nhà nước, các chính quyền địa phương các cấp, nhất là trong lĩnh vực quy hoạch đô thị, quản lý đất đai, bất động sản, ngân hàng, quản lý hoạt động của các doanh nghiệp,... Cải cách tố pháp hướng đến chỗ củng cố và nâng cao chất lượng tòa án, viện kiểm sát và cơ quan điều tra các cấp, nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ ngành tố pháp, xây dựng các cơ quan tố pháp trong sạch, đặc biệt hạn chế các vụ án oan sai và sự chậm trễ trong công tác thi hành án ở Việt Nam hiện nay, nhất là các vụ án liên quan đến cưỡng bức, ấu dâm,... gây bức xúc trong dư luận vừa qua [50]; [51]. Chính vì vậy, cải cách tố pháp là một mục tiêu quan trọng, đáng được lưu tâm hàng đầu hiện nay.

**Kết luận chương II.** Mô hình tổ chức nhà nước theo nhà nước pháp quyền được coi là mô hình nhà nước hiệu quả trong xã hội hiện đại. Việt Nam cũng đã và đang nhìn nhận rõ được vấn đề đó, trong Hiến pháp và các Văn kiện Đại hội Đảng qua các nhiệm kỳ luôn nhấn mạnh, chú trọng đến vấn đề xây dựng, hoàn thiện và phát triển mô hình Nhà nước pháp quyền trong khuôn khổ xã hội chủ nghĩa. Có thể nói, từ những tở tởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước trong lịch sử phương Tây cận – hiện đại có những ý nghĩa quan trọng trong công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nước ta hiện nay theo đúng tinh thần mà Đảng và Nhà nước đã đề ra. Trước kia, sau khi mới thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các nhà nghiên cứu rất ít khi đề cập đến tở tởng phân quyền, thậm chí còn bài trừ, vì cho rằng đó là mầm mống của nhà nước tở sản. Tuy nhiên, về sau này, chúng ta đã cởi mở hơn trong việc nhìn nhận lý thuyết phân quyền, bởi thực chất những nhân tố tích cực trong lý thuyết phân quyền vẫn được nhà nước ta áp dụng thể hiện rõ nét nhất trong sự “phân định các bộ phận của quyền lực nhà nước”. Đối với tở tởng về sự thống nhất quyền lực nhà nước của Rousseau và Hegel cần được khảo cứu và

vận dụng sát hơn vào quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam. Có

thể nói, tụi tởng về phân quyền lẫn thống nhất quyền lực đều có những giá trị, ý nghĩa to lớn trong công cuộc, xây dựng và hoàn thiện cách thức tổ chức quyền lực của nước ta hiện nay.

## KẾT LUẬN

Cách thức tổ chức quyền lực nhà nước luôn là một vấn đề quan trọng và luôn được quan tâm hàng đầu trong các mô hình nhà nước. Chính vì vậy, tùy vào những mô hình nhà nước khác nhau lại cho ra đời những cách thức tổ chức quyền lực nhà nước khác nhau. Mặc dù hình thức của chúng rất đa dạng và phong phú nhưng tựu trung lại vẫn mang hai nét căn bản đó là phân quyền và thống nhất quyền lực.

Trong dòng chảy lịch sử tột tột của nhân loại, tột tột về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại đã có những đóng góp to lớn mang tính thời đại. Đó là những tột tột về phân quyền của Locke và đạt đến đỉnh cao cho sự hoàn thiện đó là học thuyết “tam quyền phân lập” của Montesquieu; tột tột về sự thống nhất quyền lực, có sự phân định của các bộ phận quyền lực của Rousseau, Hegel đã trở thành một trong những tột tột gợi mở, góp phần trong việc xây dựng cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các mô hình nhà nước đương đại ngày nay.

Các nhà tột tột thời kỳ này đã xuất sắc khi tiếp thu những mầm mống tột tột đã xuất hiện từ thời kỳ cổ đại và trung cổ để xây dựng lý thuyết về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn lịch sử trong thời đại mà các ông sống. Đồng thời, những tột tột tiến bộ của các ông cũng đã để lại nhiều dấu ấn khó phai trong lịch sử tột tột nhân loại. Có thể nói, trong bối cảnh lịch sử của thời kỳ các nhà triết gia đang sống thì những tột tột đó đã để lại những giá trị có tính bút phá thời đại. Nó là cơ sở, là tiền đề để các nhà tột tột sau này tiếp tục phát triển học thuyết về nhà nước pháp quyền và vận dụng nó trong thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền.

Ở Việt Nam, xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN là một tất yếu khách quan. Con đường tột tột mắt và lâu dài của Việt Nam đang đi đó là xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Vì vậy, việc thực hiện các đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước như thế nào để đem lại chủ quyền dân chủ thực sự cho nhân dân là vô cùng quan trọng. Do vậy, việc nghiên

cứu tị tị ởng về cách thức tổ chức quyền lực nhà nước của các nhà triết học phương Tây cận – hiện đại là một sự tham khảo quan trọng. Nó giúp chúng ta hiểu đúng vấn đề và kế thừa những giá trị tích cực trong tị tị ởng đó, nhằm khắc phục những hạn chế hiện nay trong việc xây dựng và hoàn thiện mô hình Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trojơng Quốc Chính (2008), *Quan điểm của Mác, Ăngghen, Lênin về nhà nước xã hội chủ nghĩa và việc vận dụng nhà nước của dân, do dân, vì dân ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN, Hà Nội.
2. Đặng Hồng Chiến (2008), *Vận dụng lý thuyết phân quyền trong tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Việt Nam*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Nguyễn Đăng Dung, Bùi Ngọc Sơn, Nguyễn Mạnh Tờng (2007), *Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Đăng Dung (2008), *Chính phủ trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
5. Nguyễn Đăng Dung (2009), *Giáo trình lịch sử các học thuyết chính trị*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
6. Nguyễn Tiến Dũng (2015), *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (Bổ sung, phát triển năm 2011), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
11. Bùi Xuân Đức (2007), *Đổi mới, hoàn thiện bộ máy nhà nước trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Tờ pháp, Hà Nội.
12. Bùi Mạnh Giang (2015), *Tư tưởng nhà nước pháp quyền thời cận đại*, Luận văn Thạc sĩ, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

13. Nguyễn Thị Hồi (2005), *Tư tưởng phân chia quyền lực nhà nước với việc tổ chức bộ máy nhà nước ở một số nước*, Nxb. Tọa pháp, Hà Nội.
14. Đỗ Minh Hợp (2014), *Lịch sử triết học phương Tây*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
15. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội
16. G.W.F. Hegel: *Các nguyên lý của triết học pháp quyền*, do Bùi Văn Nam Sơn dịch và chú giải, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2010.
17. Lê Tuấn Huy (2006), *Triết học chính trị của Montesquieu với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Nxb. Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.
18. Nguyễn Thị Huyền (2014), *Tư tưởng phân quyền và sự vận dụng trong quá trình xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, ĐHQGHN.
19. Nguyễn Thị Châu Loan (2014), *Triết học chính trị của J.J. Rousseau và ý nghĩa của nó đối với việc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay*, Luận án Tiến sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
20. Phan Thế Lực (2012), *Vấn đề tập trung và phân quyền trong tổ chức và thực thi quyền lực nhà nước ở Việt Nam hiện nay*, ĐHQGHN.
21. John Locke (1689), *Khảo luận thứ hai về chính quyền – chính quyền dân sự*, Lê Tuấn Huy (dịch) (2007), Nxb. Tri thức, Hà Nội.
22. C.Mác và Ph. Ăng Ghen (toàn tập) (1995), *Tập 1*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. C.Mác và Ph. Ăng Ghen (toàn tập) (1995), *Tập 4*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
24. C.Mác và Ph. Ăng Ghen (toàn tập) (1995), *Tập 18*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
25. Hồ Chí Minh (2005) (toàn tập), *Tập 6*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
26. Hồ Chí Minh (2005) (toàn tập), *Tập 7*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

27. Montesquieu (1874), *Tinh thần pháp luật*, Hoàng Thanh Đạm dịch(2004), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
28. Chu Thị Ngọc (2010), Phân quyền trong nhà nước pháp quyền, *Tạp chí Khoa học ĐHQGHN*, Hà Nội.
29. Đỗ Nguyễn Phương, Trần Ngọc Đường (1992), *Xây dựng nền dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền*, Nxb. Sự thật, Hà Nội.
30. Lê Minh Quân (2000), Vấn đề đổi mới và hoàn thiện nhà nước theo hướng xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, *tạp chí Triết học*, số 3, 5- 9.
31. Lê Minh Quân (2003), *Xây dựng nhà nước pháp quyền đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
32. Nguyễn Duy Quý, Nguyễn Tất Viễn (2008), *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân: Lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
33. P.S. Taranop (2006), *106 nhà thông thái*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
34. Loqu Kiến Thanh và Phạm Hồng Thái (dịch) (2001), *Lịch sử các học thuyết chính trị trên thế giới*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
35. Mai Thị Thanh(2012), *Hình thức Nhà nước và vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia Hà Nội.
36. Trần Hậu Thành (2005), *Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng NN PQ XHCN của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
37. Lê Tử Thành (2014), *4 cây đại thụ của triết học phương Tây*, Nxb. Trẻ.
38. Đinh Ngọc Thạch (2018), *Lịch sử triết học phương Tây (tập 1)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
39. Nguyễn Trọng Thóc (2005), *Xây dựng nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

40. J.J. Rousseau, *Bàn về kế ước xã hội*, Hoàng Thanh Đạm (dịch) (2006), Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
41. Đào Trí Úc (2007), *Mô hình tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội
42. Nguyễn Thị Thúy Vân (2013), Khái niệm nhà nước pháp quyền từ cách tiếp cận triết học, *Tạp chí Triết học*, số 9, 53-60.
43. Viện Nghiên cứu Khoa học Pháp lý (1997), *Về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
44. Viện nhà nước và pháp luật, *Phân quyền trong nhà nước pháp quyền*, Tài liệu lưu trữ.123.
45. Đinh Ngọc Vọng (1992), *Thuyết tam quyền phân lập và bộ máy nhà nước tư sản hiện đại*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
46. <http://chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/NuocCHXHCNVietNam/ThongTinTongHop/noidungvankiendaihoidang?categoryId=10000714&articleId=10038377>
47. <https://thanhvien.vn/tai-chinh-kinh-doanh/vinashin-la-dien-hinh-thua-lo-lang-phi-53430.html> 04:11 06/10/2012
48. <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/vinalines-lo-va-lang-phi-tren-2-nghin-ti-dong-1336814277.htm> 09:12 08/05/2012
49. <http://egov.chinhphu.vn/xay-dung-chinh-phu-dien-tu-huong-toi-chinh-phu-so-va-nen-kinh-te-so-o-viet-nam-a-NewsDetails-37599-14-186.html>  
25/04/2019
50. <https://baomoi.com/nhung-vu-an-au-dam-khong-ai-ngo-gay-rung-dong-xa-hoi/c/23236062.epi> 19:00 GMT+7 09/09/2017
51. <https://vietnamnet.vn/vn/giao-duc/goc-phu-huynh/trong-te-nan-mai-dam-co-2-hoc-sinh-sinh-vien-tham-gia-496568.html> 10:17 GMT+7 25/12/2018
52. <https://plo.vn/thoi-su/quoc-hoi-tranh-luan-ve-vu-xu-bs-hoang-cong-luong-772471.html> 10:17 26/05/2018
53. <https://www.bbc.com/vietnamese/vietnam-47030786> 30/01/2019

## **THÔNG TIN HỎI ĐÁP:**

-----  
Trong quá trình làm bài tiểu luận, bạn muốn tìm kiếm thêm nhiều tài liệu bài mẫu tiểu luận cập nhật mới của Trung tâm [Best4Team](#)

Liên hệ [dịch vụ viết tiểu luận thuê](#)

Hoặc Gọi SĐT Zalo: 091.552.1220 hoặc email: [best4team.com@gmail.com](mailto:best4team.com@gmail.com) để hỗ trợ ngay nhé!